



H.P. BLAVATSKY

TIẾNG NÓI VÔ THINH

(THE VOICE OF THE SILENCE)

Dịch giả: NGUYỄN VĂN NHUẬN

ÁNH ĐẠO TÙNG THƯ

KROTONA

2003

MỤC LỤC

TIẾNG NÓI VÔ THINH.....	i
MỤC LỤC.....	i
TỰA.....	1
PHẦN THỨ NHỨT.....	7
PHẦN THỨ NHÌ	32
PHẦN THỨ BA.....	56
<i>BẢY TỪNG CỦA ĐẠO</i>	56

TỰA

Những trang sau đây trích ở “Kim Huấn Thư”, một trong những sách phát cho các sinh viên Thần bí học ở phương Đông. Tất cả sinh viên¹ đều phải học những giáo lý này, và nhiều nhà Thông Thiên Học đã chấp nhận những giáo huấn ấy. Vì tôi thuộc lòng rất nhiều giáo huấn đó, nên tôi phiên dịch dễ dàng.

Một điều mà ai cũng biết là ở Ấn Độ, những phương pháp để phát triển tâm linh của các vị Guru (Đạo Sư hay Sư Phụ) đều khác nhau, chẳng những vì lẽ các Ngài khác học phái, tất cả có sáu học phái² mà cũng vì lẽ mỗi Guru có một phương pháp riêng nên thường thường Người giữ rất kín. Tuy nhiên, ở phía bên kia Hy Mã Lạp Sơn, phương pháp của các Trường Huyền Bí Học không thay đổi, ngoại trừ khi nào vị Guru chỉ là một Lạt Ma thường không biết gì hơn những kẻ thọ giáo.

Quyển sách mà tôi dựa theo để dịch đây thuộc về một bộ sách, trong đó tôi cũng rút lấy những đoạn của “Kinh Dzyan” dùng làm căn bản để viết bộ “Giáo Lý Bí Truyền”. “Kim Huấn Thư” cũng

¹ Trường Phật Giáo Bí Truyền

² Trong Ấn Độ Giáo

chung một nguồn gốc với quyển Paramârtha, theo truyền kỳ thì quyển này vốn của các Vị Nàga hay là “Rắn” (danh hiệu của các Vị Đắc Pháp hồi xưa) truyền lại cho vị Đại La Hán Nâgârjuna. Tuy nhiên, những châm ngôn và những ý tưởng cao siêu, đặc sắc của kinh này thường thấy dưới một hình thức khác trong kinh sách chữ Sanskrit, thí dụ trong quyển kinh luận về thần bí Dnyaneshwari, nơi đây Krishna miêu tả cho Arjuna nghe trạng thái của một nhà Yogi hoàn toàn sáng suốt, hoặc trong ít quyển Upanishads. Đó là một sự rất tự nhiên bởi hầu hết (nếu không phải là tất cả) những vị Đại La Hán, những Đệ Tử đầu tiên của Phật Thích Ca, và nhất là những vị di cư sang Tây Tạng đều là người Ấn Độ và người Aryans chớ không phải người Mông Cổ. Kinh sách của một mình Đức Aryasangâ để lại cũng rất nhiều.

Nguyên bản của “Kim Huấn Thư” khắc trong những hình chữ nhật, mỏng, còn những bản sao thường khắc trên những đĩa tròn. Thường người ta cắt những đĩa hay là bản sao đó trên bàn thờ của những đền chùa tùy thuộc những trung tâm có trường dạy “Thiền Định” hay là Mahâyâna (Yogachârya). Những bản đó viết nhiều cách khác nhau có khi bằng chữ Tây Tạng, nhưng phần nhiều là bằng chữ tượng hình. Thứ tiếng của Tăng Lữ dùng (Senzar) ngoài thứ văn tự riêng của nó, có thể viết ra bằng nhiều lối chữ bí mật, và theo lối

tượng hình văn tự, hơn là theo lối âm tiết văn tự. Một phương pháp khác nữa (Tây Tạng gọi là lug) dùng cách viết bằng số và màu, mỗi số tương ứng với một chữ trong bản mẫu tự Tây Tạng (30 chữ đơn và 74 chữ kép) và toàn bộ hợp thành một bản mẫu tự bí mật. Khi người ta dùng chữ tượng hình thì có một cách nhất định để đọc bản văn, thí dụ như trong trường hợp này những biểu tượng và những dấu hiệu của Chiêm Tinh Học tức là 12 con thú trong Hoàng Đạo, và bảy màu nguyên thủy, mỗi màu có ba hạng: lợt, nguyên thủy và đậm, dùng thế cho 33 chữ của bản mẫu tự đơn, cho tiếng, cho câu.

Ở đây 12 con thú lập lại năm lần, và cặp với ngũ hành và bảy màu, hợp thành một bản mẫu tự đầy đủ, gồm có 60 chữ thánh và 12 dấu. Một cái dấu ghi ở đầu bản văn chỉ cho độc giả biết phải đánh vần theo lối Ấn Độ trong đó mỗi tiếng đều phỏng theo tiếng Sanskrit hay là phải đọc theo nguyên tắc chữ tượng hình của người Tàu. Tuy nhiên, cách dễ hơn hết là độc giả không dùng thứ ngôn ngữ nào hết hoặc dùng thứ ngôn ngữ nào tùy thích, bởi vì những dấu hiệu và những biểu tượng cũng giống như những số hay là hình Á Rập, là sở hữu công cộng và quốc tế giữa những Nhà Thần Bí đặc pháp và Đệ Tử của các Ngài. Một trong những lối viết chữ Tàu cũng có một đặc tính như thế, bất kỳ ai có biết chữ đó đều đọc được dễ dàng, thí dụ một

người Nhật có thể đọc theo tiếng Nhật một cách dễ dàng như người Tàu đọc theo tiếng Tàu vậy.

Kim Huấn Thư gồm có 90 quyển khái luận nhỏ và riêng biệt nhau, trong đó vài quyển đã có trước thời kỳ Phật Giáo ra đời. Tôi học thuộc lòng 39 quyển từ nhiều năm qua. Muốn dịch mấy quyển kia tôi phải nhờ đến bút ký để rải rác trong vô số giấy tờ, và những bút ký thu thập chưa sắp xếp lại trong hai mươi năm chót, như thế công việc không phải dễ. Hơn nữa, tất cả không thể nào đem ra dịch hết cùng trao truyền cho một thế giới quá ích kỷ và quá mê trần, chưa chuẩn bị chút nào để xứng đáng thọ lãnh một luân lý cao siêu như thế. Bởi vì chỉ có người nào thành thật bền chí theo đuổi sự tự tri mới sẵn lòng để tai nghe những lời khuyên bảo có tính cách như thế.

Tuy nhiên, loại luân lý này đầy rẫy trong những sách văn học phương Đông, nhất là trong kinh Upanishads, Đức Krishna nói với Arjuna: “Hãy diệt lòng tham sống”. Tham vọng này chỉ dính liền với hình hài, là dụng cụ của cái Ta biểu hiện, chớ không phải của cái Ta “trường cửu, bất hoại, không giết mà cũng không bị giết” (kinh Katha Upanishads). Kinh Sutta Nipâta dạy: “Hãy diệt trừ cảm giác, vui, khổ, được, mất, thành, bại, coi cũng như nhau” và còn dạy thêm rằng: “Chỉ tìm nơi trú ẩn trong cái bất sinh, bất diệt thôi”. Krishna lập đi lập lại đủ cách: “Hãy tiêu diệt cảm nghĩ chia rẽ”:

“Cái trí Manas mà còn chạy theo những giác quan vẩn vơ, vô định thì sẽ làm cho Linh Hồn (Buddhi) dật dờ như chiếc thuyền bị gió thổi trên lượn sóng” (Bhagavatgita II. 70).

Bởi thế chúng tôi nghĩ, chỉ nên lựa chọn thật kỹ lấy một ít bài thích hợp nhất, cho một số ít người thật có tâm hồn thần bí trong Hội Thông Thiên Học, và các bài này chắc chắn đúng với nhu cầu của họ. Chỉ những kẻ đó mới ưa thích những lời này của Krishna-Christos, cái “Ta cao siêu”.

“Bực hiền giả không than thở cho người sống hoặc kẻ chết. Trong dĩ vãng tôi, anh, và những kẻ lập qui tắc cho người đời không khi nào là không tồn tại, và tất cả chúng ta sẽ tồn tại ở tương lai” (Bhagavatgita II.27).

Trong bản dịch này, tôi cố gắng để bảo tồn vẻ đẹp của câu văn đầy thi vị và bút pháp có nhiều gợi ý của nguyên văn. Độc giả sẽ phán đoán xem sự cố gắng này đã thành công được đến đâu.

H.P. BLAVATSKY.

Trong sách này, chúng tôi đưa ra những sự thực trong các dữ kiện của Giáng Ma Học (Spiritualism) về đời sống Bên Kia Cửa Tử, giúp họ thấy được thực chất các hiện tượng Giáng Ma.

Trước đây, có vài sự giải thích như vậy, khiến cho tác giả bị trút lên đầu bao nhiêu phần nộ. Các nhà Giáng Ma Học cũng như nhiều người khác, thích tin tưởng điều chi thú vị hơn là sự thật; Họ giận dữ đối với những ai tiêu diệt ảo tưởng của họ. Thông Thiên Học như là một tấm bia cho những mũi tên độc của những nhà Giáng Ma Học, những người này đã chứng minh rằng những kẻ sở đắc được phân nửa Chơn Lý thì đối kháng mạnh mẽ với người sở đắc được toàn thể Chơn Lý.

Tác giả xin chân thành cảm tạ nhiều nhà Thông Thiên Học đã nêu ra các câu hỏi, nêu lên những ý kiến, hay đã giúp phần nào vào việc thực hiện tác phẩm này; mà sự hữu dụng nhờ đó được tăng gia, điều đó chắc chắn sẽ là phần thưởng tốt nhất cho họ.

LONDON 1889

H.P. BLAVATSKY

PHẦN THỨ NHỨT

1. Những lời này để dành cho những kẻ chưa biết những mối nguy hiểm của những Iddhi (1) bậc thấp.

(1) *Iddhi*: Tiếng Pali Iddhi đồng nghĩa với tiếng Sanskrit Siddhis, có nghĩa là những quan năng linh khí, những quyền lực phi thường của con người. Có hai loại Siddhis, một nhóm gồm có những tinh lực linh khí thấp thỏi, thô sơ; nhóm kia buộc phải có sự huấn luyện cao đẳng về quyền năng thần bí. Krishna nói trong kinh Shrimad Bhagavat: “Kẻ nào chuyên tâm thực hành Yoga, chế ngự được giác quan và tập trung tinh thần nơi ta, kẻ đó là một nhà Yogi mà tất cả những Siddhis đều sẵn sàng để cho người dùng.”

2. Ai muốn nghe và hiểu được tiếng Nada (2) “Tiếng Vô Thinh” thì phải học cho biết bản chất của Dhâranâ (3).

(2) *Nada*: “Tiếng âm” hay là “Tiếng Vô Thinh”, theo tự nghĩa có lẽ phải hiểu là “tiếng nói theo nghĩa thần bí” bởi chữ Sanskrit Nada đồng nghĩa với chữ Sen-sar.

(3) *Dhâranâ* là tập trung trọn vẹn cái trí vào một đối tượng nội tâm, đồng thời hoàn toàn không chú ý đến những gì thuộc về vũ trụ bên ngoài hay cảnh giới của giác quan.

3. Khi đã trở nên lãnh đạm đối với những đối tượng của giác quan, Đệ Tử phải tìm kiếm chúa tể của ngũ quan, tay sản xuất tư tưởng, kẻ gây ra ảo mộng.H

4. Cái Trí là tay đại phá hoại Sự Thật.

5. Đệ Tử phải trừ khử tay Phá Hoại đó.

Bởi vì:

6. Khi Đệ Tử xem hình hài của mình dường như không có thật, không khác nào những cảnh vật thấy trong giấc chiêm bao khi thức giấc.

7. Khi đã hết nghe tiếng vạn vật, Đệ Tử có thể nhận ra Đấng Duy Nhất. Cái tiếng bên trong giết chết cái tiếng bên ngoài.

8. Bảy giờ và chỉ đến bảy giờ, Đệ Tử sẽ bỏ miền Asat (cảnh giả), để vào địa phận của Sat, (cảnh chơn).

9. Trước khi hồn được thấy, phải có sự Điều Hòa bên trong và mắt thịt không còn nhìn thấy một huyền cảnh nào nữa.

10. Trước khi hồn được nghe, hình ảnh (con người) phải không còn để lọt vào tai, những tiếng gầm thét cũng như những tiếng thì thào, những tiếng voi rống cũng như tiếng vo vo trong trẻo của con đom đóm vàng.

11. Trước khi hồn được hiểu và nhớ, nó phải hợp làm một với Đấng thốt những lời không tiếng, cũng như cái khuôn mẫu do đó mà đất nắn nên hình, hợp làm một với tinh thần của người thợ làm đồ gốm.

12. Bởi vì bấy giờ hồn sẽ nghe và sẽ nhớ.

13. Bấy giờ bên tai của hồn

TIẾNG NÓI VÔ THINH sẽ thốt lên.

14. Nếu hồn con vui cười trong ánh bình minh của cuộc đời; nếu hồn con ca hát trong lốt nhộng máu thịt trần gian; nếu hồn con than khóc trong đèn đài mộng huyền của nó; nếu hồn con vẫy vùng để bút đứt sợi chỉ bạc cột liền nó với Sư Phụ (4) thì con hãy biết, hỡi Đệ Tử, hồn con thuộc về trần thế.

(4) Đại Sư là danh từ các Đệ Tử Lanco hoặc Chela dùng để gọi "Cái Ta Cao Siêu" của chúng ta. Danh từ này đồng nghĩa với chữ Avalôkitêswara hay là chữ Adi Budha của Phật Giáo Bí Truyền, Atma, cái Ta Cao Siêu của người Bà La Môn và Christos của Cao đẳng Thần Học hồi xưa.

15. Khi hồn (5) con vừa chớm nở để tai nghe tiếng xô xát của Đời: khi hồn con đáp lại tiếng gầm thét của cảnh đại ảo mộng (6). Khi hồn con kinh hãi trước cảnh lụy tuôn vì đau khổ; điếc tai bởi những tiếng nã nê phải cảnh khát khe mà chui rút

lại như con rùa nhút nhát trong cái mai Ích Kỷ, thì con hãy biết, hỏi Đệ Tử, hồn con là một miếu đường không xứng đáng cho Đấng Thượng Đế Im Lặng của con.

(5) *Chữ Hồn ở đây dùng để chỉ chân nhân của con người (Ego human) hay Manas, trong phép phân sắp theo số 7 của chúng ta gọi là “Hồn Người” để phân biệt với thần hồn và hồn thú.*

(6) *Maha Maya “Đại ảo mộng” tức là Vũ Trụ khách quan.*

16. Khi hồn con đã trở nên đông mãnh và thoát ra ngoài chốn ân thân yên ổn từ trước và khi đã cởi bỏ được cái lớp bảo vệ nó, hồn con tháo phăng sợi chỉ bạc và bay nhảy tự do; khi hồn con nhìn thấy hình ảnh của nó trên những lượn sóng của Không Gian, nó nói thầm: “Đây là Ta” thì con hãy thú nhận, hỏi Đệ Tử là hồn con bị mắc trong bức màn lầm lạc (7).

(7) *Sakkâyaditthi “lâm lạc” cho rằng phàm nhân là ta.*

17. Trần gian này, hỏi Đệ Tử, là phòng Đau Khổ, nơi đây dài theo Con đường thử thách gian lao biết bao chạm bẫy rải rác để nhốt Chơn Nhơn của con vào vòng lầm lạc gọi là “Đại Mê Tín” (8).

(8) *Attavâda*: tà thuyết tin có hồn, hay nói cho đúng là tin có sự chia rẽ giữa hồn đó là Tiểu Ngã với Đại Ngã duy nhất, phổ biến vô cùng tận.

18. Trần gian này, hồi Đệ Tử còn vô minh, chỉ là cái cửa tối tăm dắt đến cảnh lò mò trước khi đến thung lũng đầy ánh sáng thật, thứ ánh sáng không gió nào làm tắt được, thứ ánh sáng cháy không cần có tim, có đầu.

19. Đại Luật có nói: “Trước khi biết được Đại Ngã(9) con phải biết Chon Ngã của con”. Muốn biết được Chon Ngã của con thì phải lìa bỏ Tư Ngã, xem nó không phải là con, lìa bỏ con người của con, xem nó là không có, bấy giờ con có thể yên nghỉ trên đôi cánh của con Bạch Hạc, phải đấy, êm đềm thay khi được yên nghỉ trên đôi cánh của cái bất sanh, bất tử, chỉ là AUM (10) trải qua đời đời còn mãi (11).

(9) *Tawagyane* là kẻ biết hay là kẻ phân biệt được những nguyên lý trong thiên nhiên và trong con người, và *Atmagyane* là kẻ biết được Atman hay là Đại Ngã phổ biến duy nhất.

(10) *Kala Hamsa* “chim” hay là hạc. Trong kinh *Nada Bindu Upanishad* (Rig Veda) do Hội Thông Thiên Học ở Kumbakonam phiên dịch có nói “Vân A được xem như cánh bên phải của chim, U như cánh bên trái, M như cái đuôi và *Ardha-Matra* (nửa thước) như cái đầu”.

(11) Người phương Đông hiểu chữ đời đời khác hơn người phương Tây. Thường có nghĩa là 100 năm hay là tuổi của Brahmâ, thời gian của một Kalpa hay là một chu kỳ lâu 4.320.000.000 năm.

20. Hãy ngồi lên lưng con Linh Điều, nếu con muốn biết (12).

(12) Theo kinh Nada-bindu đã kể trên đây: “Đối với nhà Yogi cuối học (tham thiền về tiếng AUM) thế lực của nhân quả hay là muôn ngàn tội lỗi không động đến được”.

21. Hãy bỏ đời sống của con, nếu con muốn sống (13).

(13) Hãy bỏ đời sống của phàm nhơn, của xác thịt, nếu con muốn sống bằng tinh thần.

22. Hỡi kẻ hành hương mệt mỏi, con phải trải qua Ba Phòng mới hết nỗi nhọc nhằn. Hỡi kẻ chiến thắng Ma Vương, Ba Phòng dắt con qua ba trạng thái (14) để đến trạng thái thứ tư (15) và từ đó bước vào bảy cõi (16), những Cõi Yên Nghĩ Đời Đời.

(14) Ba trạng thái của tâm thức là: Jagrat, trạng thái Thức Tỉnh; Swapna, trạng thái chiêm bao và Sushupti, trạng thái ngủ mê. Ba trạng thái Yogi đó dắt đến trạng thái thứ tư, hay là –

(15) *Turya, bên kia trạng thái không chiêm bao, trạng thái cao hơn tất cả, trạng thái siêu việt của tâm thức thần bí.*

(16) *Vài nhà Thần Bí Phương Đông để bày cảnh thực tại, bày Lokas hay là cõi tinh thần trong mình của Kala Hamsa, con hạc ở ngoài vòng Thời Gian và Không Gian nó biến thành con hạc ở trong thời gian khi nó trở nên Brahma thay vì Brahmâ (trung lập).*

23. Nếu con muốn biết ba phòng đó thì đây, con hãy nghe và nhớ.

24. Tên của phòng thứ nhất là phòng Vô Minh, Avidya.

25. Chính phòng đó là nơi con sinh ra đời, nơi con sống và nơi con sẽ chết (17).

(17) *Cõi trần, nơi đó những hiện tượng chỉ tiếp xúc với ngũ quan và ý thức của óc xác thịt thôi.*

26. Tên phòng thứ nhì là phòng Học Tập, nơi đó hồn con sẽ tìm thấy những hoa đẹp của cuộc đời, nhưng dưới mỗi bông đều có một con rắn nằm khoanh (18).

(18) *Cõi trung giới, cõi linh khí nơi có những trí giác ở ngoài tâm tri giác của ngũ quan và có những cảnh tượng lừa dối, cảnh giới của đồng cốt. Éliphas Levi gọi là "Xà Tinh". Không có một cái hoa nào hái nơi*

miền đó đem xuống cõi trần mà không có một con rắn quần chung quanh nhánh. Đó là cõi Đại Ảo Mộng.

27. Tên của phòng thứ ba là Minh Triết, xa nữa là nước biển Akshara không bờ bến, nguồn Toàn Tri Vô Tận (19).

(19) Nơi miền này Tâm Thức thần bí mở rộng và không còn có sự nguy hiểm nào cho kẻ đã đến được nơi đây.

28. Nếu con muốn đi ngang qua phòng thứ nhất an toàn, thì chớ để cho trí con nhận lầm ngọn lửa đục tình cháy đỏ nơi đó là ánh Thái Dương của cuộc đời.

29. Nếu con muốn qua khỏi phòng thứ nhì không nguy hiểm, thì chớ dùng chân người mùi hương nồng nặc của những bông hoa ở đó làm cho con phải mê man. Nếu con muốn thoát khỏi vòng xiềng xích của Nhân Quả thì chớ tìm Sư Phụ nơi miền Mộng Huyền đó.

30. Bạc Hiền Nhân không lưu luyện các vui thú giác quan.

31. Bạc Hiền Nhân không để tâm đến những giọng đường mật của ảo mộng.

32. Hãy tìm người sanh ra con nơi (20) phòng Minh Triết ở bên kia, nơi không còn chút bóng tối

nào và nơi mà ánh sáng chân lý chói lọi một hào quang bất diệt.

(20) Bực Đắc Pháp trao truyền môi Đạo và dìu dắt Đệ Tử cho đến khi sanh ra trong cõi tinh thần hay là sanh lần thứ nhì được gọi là Cha, Thầy hay là Guru.

33. Nguồn bất sinh, bất diệt vốn ở nơi con, hồi đệ tử, cũng như ở trong phòng này. Nếu con muốn đạt đến trạng thái đó, và hỗn hợp hai cái³ làm một thì con phải cởi bỏ lớp y phục đen tối của ảo mộng. Hãy bóp nghẹt tiếng nói của xác thịt, chớ để một hình ảnh nào của giác quan tạo ra chướng ngại giữa ánh sáng của nó và ánh sáng của con, hầu cho hai ánh sáng có thể hỗn hợp làm một. Khi con biết được sự Vô Minh (Agyana) (21) của con thì hãy lập tức xa lánh phòng Học Tập đó. Phòng này rất nguy hiểm với vẻ đẹp giả trá của nó và chỉ cần thiết cho thời kỳ tập sự của con thôi. Con hãy để phòng, hồi Đệ Tử, đừng để cho một sự sáng chói hão huyền làm cho Hồn con chậm bước và mắc vào ánh sáng phỉnh phờ đó.

(21) Agyana là dốt nát hay là vô minh, trái với trí huệ Gnàna.

34. Cái ánh sáng này do nơi hột ngọc trên mào của Ma Vương (22) chiếu ra, nó làm mê mẩn giác

³ *Cái tạo tác và cái không tạo tác*

quan, mờ mịt thần trí, và bỏ rơi kẻ khinh xuất như một món đồ trôi giạt nơi biển cả.

(22) Trong các tôn giáo công truyền thì Mara là con quỷ, nhưng trong triết học bí truyền thì đó là nhân cách hóa sự quyến rũ của tánh xấu nơi con người và dịch đúng theo tự nghĩa là “cái giết chết” Linh Hồn. Người ta tượng hình nó như một vị Vua (Ma Vương) đầu đội mũ triều thiên có một hạt ngọc chiếu sáng cho đến làm mờ mắt những kẻ nhìn nó; sự chiếu sáng này cố nhiên là ám chỉ sự mê hoặc của tánh xấu.

35. Con thiêu thân bị ngọn đèn sáng chói hấp dẫn mà phải bị chết trong đĩa dầu lầy đặc. Nếu hồn lơ đãng không vật ngã được con quỷ mê hoặc và ngạo nghệ thì hồn sẽ trở lại trần gian làm nô lệ cho Ma Vương.

36. Hãy nhìn xem những Đoàn Hồn lũ lượt, vắn vơ trên mặt biển ba đào của đời người như thế nào, và sau khi sức đuối, máu rơi, cánh gãy, chúng nổi nhau rớt xuống những lượn sóng to ra sao. Bị cuồng phong dồn dập, bão bùng lôi cuốn, chúng trôi giạt trong những dòng nước cuộn và khi gặp vòi nước to nào là bị cuốn đi mất.

37. Nếu qua phòng Minh Triết con muốn đạt đến Thung Lũng Hạnh phúc thì hồi Đệ Tử, con hãy đóng chặt giác quan đừng nghe theo thuyết chia rẽ cực kỳ hung ác, nó làm cho con xa lìa tất cả.

38. Con chó đê cho đũa con “sinh ở cõi Trời” của con, phải chìm đắm trong biển của Ma Vương, xa lìa Mẹ của muôn loài (Linh Hồn) mà hãy đê cho lửa mâu rút vào nội cung, nơi Trái Tim (23) là bồn cung của Mẹ Thế giới (24).

(23) *Phòng trong trái tim, Bắc Phạn gọi là Brahmapura “Lửa Mâu” là Kundalini.*

(24) *“Lửa Mâu” và “Mẹ Thế Giới” là tên của Kundalini, một trong những thần lực của nhà Yogi. Đó là Bồ Đề về mặt tích cực thay vì tiêu cực (thường người ta chỉ biết mặt tiêu cực hay là thụ động của Bồ Đề, khi nó là cái thể để chứa Tinh Thần Tối Cao (Atma). Đây là một thứ điện tinh thần, một năng lực sáng tạo, một khi đánh thức rồi thì nó có sức tiêu diệt hoặc sáng tạo.*

39. Bấy giờ từ nơi trái tim, Lửa này sẽ vượt lên đến tầng thứ sáu là tầng trung ương nằm giữa đôi mắt, nơi đó nó trở nên hơi thở của Linh Hồn Duy Nhất, trở nên tiếng nói vang rền khắp cả, tiếng nói của Sư Phụ con.

40. Chỉ đến chừng đó, con mới có thể trở nên “Người du ngoạn Thiên Cung”(25), tung mây lướt gió, đi trên sóng mà chân không đung nước.

(25) *Keshara, kẻ du ngoạn hoặc “Lên Cõi Trời”. Theo trong quyển Dhyanésvari, chúa tể của các kinh thần bí, Adhyaya thứ 6 thân thể của nhà Yogi giống như làm bằng gió, như “một vòng mây có mọc ra tay*

chân". Sau đó "người (Yogi) thấy được những vật xa tận bên kia biển và sao; người nghe và hiểu được tiếng của Chư Thiên và biết được những gì xảy ra trong trí của con kiến.

41. Trước khi đặt chân lên nấc thang chót của âm giai thần bí, con phải nghe đủ bảy thứ tiếng của Thượng Đế bên trong con (Chơn Ngã).

42. Tiếng thứ nhất giống như tiếng lảnh lót của chim quyên hát cho chim mái nghe một khúc hát khởi hành.

43. Tiếng thứ nhì giống như tiếng chập chĩa bằng bạc của các vị Thiên Tôn (Dhyanis) đánh thức các ngôi sao lấp lánh.

44. Tiếng kế đó như tiếng than thở nhẹ nhàng của con thủy quái bị nhốt trong vỏ.

45. Kế đó tới tiếng của đờn Vina (26).

(26) Giống như đờn Tì bà.

46. Tiếng thứ năm giống như tiếng sáo trúc xoáy vào tai.

47. Kế đó nó biến thành tiếng kêu chát chúa.

48. Tiếng chót hết rung chuyển như tiếng gầm rền rĩ trong đám mây đen trước cơn bão tố.

49. Tiếng thứ bảy át mất cả mấy tiếng kia, không còn nghe chi nữa.

50. Khi sáu thứ tiếng (27) đã chìm mất và đặt dưới chân Sư Phụ thì Đệ Tử nhập vào Nhất Nguyên (28) trở nên Nhất Nguyên đó và sống trong đó.

(27) Sáu nguyên tố; tức là khi phàm nhân đã tiêu diệt và phân thấp của cá tính đã lẫn mất trong nguyên tố thứ bảy hay là Tinh Thần.

(28) Vị đệ tử hợp làm một với Brahma hay là Atman.

51. Trước khi vào được con đường này, con phải diệt trừ thể vía (29) của con, lau chùi thể trí (30) và rửa lòng con cho trong sạch.

(29) Dục thể do nguyên lý Kamic tạo nên gọi là Kama rupa hay là thể ham muốn.

(30) Manasa rupa. Cái thứ nhất chỉ cái vía hay tư ngã, cái thứ nhì chỉ cá tính hay là Chơn Nhơn luân hồi mà tâm thức của nó ở cõi trần hay là Hạ Trí cần phải được đình chỉ lại.

52. Nước tinh anh trong suốt của sự sống trường tồn, không thể nào lẫn lộn vào trong giòng nước lộn bùn sau cơn bão tố.

53. Giọt sương chiếu sáng trong tia nắng ban mai, giữa cánh hoa sen tinh khiết biến thành cục đất sét khi rớt xuống đất, thế là hòn ngọc đã hóa ra bùn.

54. Hãy chiến đấu với những tư tưởng ô trọc của con trước khi nó áp chế được con. Hãy xử dụng nó y như nó xử dụng con vậy, nếu con không thẳng tay với nó, để nó mọc rễ, đâm chồi thì con hãy biết, những tư tưởng đó sẽ quật ngã con và giết chết con. Hỡi Đệ Tử, hãy đề phòng đầu cái bóng của nó cũng đừng để nó đến gần con, bởi vì nếu để cho nó lớn, nó mạnh, cái vật xấu xa đen tối đó sẽ xâm nhập vào người con, trước khi con nhận ra được hình thù ghê gớm của con quái ô trọc đó.

55. Hỡi Đệ Tử, hãy đào luyện cho có được năng lực giết chết thể vía trước khi “Uy Lực thần bí” (31) có thể làm con trở nên một bậc thần tiên.

(31) Kundalini được gọi là “quyền lực uốn khúc như con rắn” hay là tròn như chiếc nhẫn vì nó tiến theo hình xoắn ốc trong thân thể của nhà Yogi đã phát triển được quyền lực đó nơi người. Nó là một quyền lực có tính chất như điện, như lửa huyền bí hay là Fohatic đại nguyên lực tiềm tàng trong mọi chất hữu cơ và vô cơ.

56. Cái Ta Vật Chất và cái Ta Tinh Thần không khi nào gặp nhau được. Phải có một cái mất đi, bởi vì không có chỗ để cho cả hai cùng đứng.

57. Con phải chà nát cái mầm phàm nhơn, và giết chết con sâu giác quan cho nó không còn có thể sống lại rồi tinh thần của Hồn con mới có thể hiểu được.

58. Con không thể nào đi trên Đường Đạo, nếu chính con chưa trở nên con Đường đó (32).

(32) Con đường này được nói đến trong mọi tác phẩm Thần Bí. Như Krishna nói trong kinh: Dhyanésvari “Khi được nhìn thấy con Đường này... dù người ta bắt đầu từ phương Đông hay phương Tây, không thay đổi, hỡi người cầm cung tên là người đang đi trên đường này. Trong con đường này người ta muốn đi đến chỗ nào thì chính người ta trở thành chỗ đó”. “Người là Đường đi” là câu nói với vị Sư Phụ và với vị Đệ Tử sau kỳ điểm đạo. “Ta là lối đi và Đường Đạo”, một Đức Thầy nói thế.

59. Hãy để cho Hồn con lắng tai nghe mọi tiếng đau khổ, như bông sen nở lớn để hứng ánh sáng mặt trời buổi ban mai.

60. Con chớ để nắng gắt làm khô một giọt nước mắt đau khổ nào, trước khi con lau ráo lụy cho cặp mắt của người buồn khổ.

61. Con hãy để cho tất cả nước mắt của thế gian rơi vào lòng con, đọng lại ở tim con, chớ không khi nào chùi đi, trước khi nguyên nhân gây đau khổ tiêu tan.

62. Hỡi con người có tấm lòng từ bi, những giọt nước mắt đó là những suối nước tưới mát cánh đồng từ thiện bất diệt. “Chính nơi miếng đất đó trở được bông nửa đêm của Phật (33), thứ bông này còn khó tìm, khó gặp hơn bông cây Vogay. Đó là hột giống để thoát ly đường sanh tử. Nó tách riêng vị La Hán ra ngoài vòng tranh đấu và tham vọng, nó dắt người băng ngang qua những cánh đồng của Thực Tại để đến nơi an lạc, chân phúc, chỉ thấy được nơi cõi Tịch Mịch, Hư Vô.

(33) Adeptship: quả vị Chơn Tiên, nở bông Bồ Tát.

63. Con hãy diệt tham vọng; nhưng nếu con giết nó rồi, con cũng phải đề phòng sợ e nó còn sống lại.

64. Con hãy diệt lòng tham sống, tuy nhiên con chớ nên vì lẽ khao khát đời sống trường cửu mà diệt lòng khao khát sự sống (tanha) (34) nhưng chỉ vì muốn đem cái bất dịch, bất biến thay cho cái biến đổi vô thường.

(34) Tanha “ý muốn sống” ham sống, sợ chết, cái mãnh lực này phát sinh luân hồi sanh, tử.

65. Chớ ham muốn điều chi, không phân uất đối với Nghiệp Báo hoặc đối với luật bất di, bất dịch của Thiên Nhiên. Con chỉ nên chiến đấu với cái riêng tư, cái tạm thời, cái ngắn ngủi và cái hư hoại.

66. Con hãy trợ giúp và cộng tác với Thiên Nhiên, và Thiên Nhiên sẽ coi con là một trong những tay sáng tạo và sẽ từng phục con.

67. Thiên Nhiên sẽ mở rộng các cửa bí mật trước mặt con, để lộ dưới tầm mắt con những kho báu vật dấu kín ở tận đáy lòng trong sạch và tinh khiết của tạo vật. Tay phàm không thể nào làm hoen ố được nơi ấy, nó chỉ phô bày những kho báu của nó dưới con mắt Tinh Thần, con mắt không khi nào nhắm, và đối với con mắt đó không còn bức màn nào che án trước bất kỳ là cảnh nào của tạo vật.

68. Bây giờ Thiên Nhiên sẽ chỉ cho con thấy phương tiện và cái cửa thứ nhất, cửa thứ nhì, thứ ba cho đến thứ bảy. Rồi đến mục đích, xa nữa là những vinh quang cực điểm tằm trong ánh thái dương của Tinh Thần, thế gian không ai thấy được những quang vinh đó, ngoại trừ con mắt của Linh Hồn.

69. Chỉ có một con đường dẫn đến Đường Đạo, và chỉ ở mút con đường đó, ta mới nghe được “Tiếng Vô Thinh”. Những nấc thang mà người học đạo phải leo lên, đều là những nấc thang đau khổ và khó nhọc; chỉ có tiếng nói của đức hạnh mới đánh tan giọng náo nùng của những nấc thang đó. Bởi thế, hồi Đệ Tử, nếu con còn một tính xấu nào chưa bỏ lại sau thì nguy cho con đó. Bởi vì bây giờ cái thang gãy và con sẽ té, chân thang đặt trên bùn

lầy của những tội lỗi và sa ngã của con, và trước khi có thể lội ngang qua cái hồ vật chất đó con phải rửa sạch chân con trong Nước Từ Bỏ. Con hãy cẩn thận chớ vội đặt chân còn dính bùn trên nấc thang đầu. Rất nguy cho ai chân còn lấm bùn mà dám cả gan làm dơ bẩn một nấc thang nào. Bùn lầy như bùn và trơn nhớt sẽ khô cứng và gấn dính chân người tại chỗ, không khác nào một con chim bị dính nhựa của người bắt chim quý quái, sẽ không thể nào đi xa hơn nữa. Những tánh xấu của người sẽ thành hình và lôi kéo người trở xuống. Những tội lỗi của con người sẽ trôi giòng như sơn cầu hú những tiếng rùng rợn, tiếng cười, tiếng khóc, trong buổi hoàng hôn; những tư tưởng của người thành đoàn, thành lũ bắt giam người lại.

70. Hãy diệt những dục vọng của con, hồi Đệ Tử, hãy làm cho những tánh xấu của con mất hết mãnh lực trước khi cất bước khởi hành.

71. Hãy bóp nghẹt các tội lỗi của con và làm cho chúng ngậm miệng đến cùng, trước khi đặt chân lên nấc thang đầu.

72. Hãy làm tư tưởng của con lặng im và đặt tất cả sức chú ý vào Đức Sư Phụ mà con chưa thấy, nhưng con cảm được.

73. Hãy gom hết lực thức vào trong một thức, nếu con muốn được an ổn trước kẻ nghịch. Thức này ở trong bộ óc và cặp mắt yếu ớt của Tâm Hồn

chỉ do nơi đó mới có thể tìm ra con đường hiểm trở dẫn đến Sư Phụ của con.

74. Hồi Đệ Tử, con đường trước mắt con còn dài và khó nhọc. Chỉ một tư tưởng gọi lại quá khứ mà con đã bỏ lại sau cũng sẽ làm con rơi xuống, và con phải bắt đầu leo lại.

75. Hãy tận diệt nơi con mọi hồi ức về dĩ vãng. Chớ ngó lại đằng sau, bằng không sẽ nguy cho con đó.

76. Con chớ tưởng là con người có thể trừ khử tánh dâm dật bằng cách thỏa mãn nó, đó là một điều góm ghiếc do ma vương xúi dục ra. Chính trong khi con người nuôi dưỡng tánh xấu là làm cho nó thêm to, thêm mạnh cũng như con sâu ăn bông mà lớn.

77. Đóa hoa hường phải thu hình trở lại mầm non trên nhánh mẹ, trước khi con ký sinh trùng ăn thấu đến tim và hút hết nhựa sống.

78. Cây vàng nảy sanh chồi báu trước khi giông tố làm cho rời rã thân cây.

79. Con phải trở lại tuổi thơ ngây mà con đã để mất, trước khi tiếng thứ nhất có thể vẳng đến tai con.

80. Ánh sáng của Sư Phụ Duy Nhất, Ánh Kim Quang độc nhất, phóng tia sáng rực rỡ xuống cho

Đệ Tử vào buổi sơ khai. Những tia sáng đó xuyên qua những đám mây vật chất dày đặc và tối đen.

81. Những tia sáng đó chiếu sáng nơi này, nơi khác, cũng như những tia sáng mặt trời soi sáng trái đất xuyên qua đám lá dày đặc của rừng già. Nhưng hồi Đệ Tử, ít nữa là xác thân con phải thụ động, đầu con lạnh, hồn con vững vàng, tinh khiết như viên kim cương sáng rõ bằng không thì tia sáng sẽ không thấu đến cung vi, ánh sáng sẽ không làm ấm áp tim con và những tiếng điệu huyền của cõi Akasic (35) sẽ không thấu đến tai, mặc dầu tai tận tình nghe ngóng trong thời kỳ thứ nhất.

(35) Những tiếng huyền bí, âm điệu du dương mà nhà tu luyện nghe được lúc ban đầu chu tuần tham thiên, nhà Yogi gọi là Anâhad-Shabd (Anahad là luân xa thứ tư).

82. Ít nữa là phải nghe, bằng không con không thể thấy.

83. Ít nữa là phải thấy, bằng không con không thể nghe, nghe và thấy đó là thời kỳ thứ hai.

84. Khi Đệ Tử thấy và nghe, ngửi và nếm trong khi mắt tai đóng lại, miệng mũi bịt lại; khi bốn giác quan hỗn hợp làm một và sẵn sàng nhập vô giác quan thứ năm – nội xúc giác – bấy giờ con đã qua được thời kỳ thứ tư.

85. Hỡi kẻ diệt tư tưởng, trong thời kỳ thứ năm tất cả đều phải diệt trừ một lần nữa cho đến không thể nào sống lại được (36).

(36) Điều này có nghĩa là thời kỳ thứ sáu trong đường phát triển, Huyền Bí Học gọi là Dhâranâ, mọi giác quan có tính cách như một quan năng riêng biệt đều phải bị giết chết (hay là bị làm cho kiệt quệ ở cảnh giới này) bằng cách nhập nó vào giác quan thứ bảy, Giác Quan Siêu Đẳng.

86. Hãy giữ trí của con riêng biệt với mọi đối tượng bên ngoài, với mọi cảnh trí ở ngoại giới. Hãy để riêng qua một bên những hình ảnh bên trong sợ e nó rọi bóng tối lên trên ánh sáng của Linh Hồn.

87. Bây giờ con ở trong Dhâranâ (37), thời kỳ thứ sáu.

(37) Xem giải thích số (3) trang 7.

88. Khi con vào được thời kỳ thứ bảy thì hữu phước thay con sẽ không còn nhận thấy Ba Ngôi (38) nữa, bởi vì chính con sẽ trở nên Ba Ngôi đó. Chính con và cái trí giống như hai trẻ sanh đôi đứng song song nhau, và ngôi sao (39) vốn là mục đích của con chiếu sáng trên đầu con vậy. Ba Ngôi ở trong cảnh chí phúc, vinh quang không thể tả, bây giờ đã mất hết tên tuổi trong thế giới Ảo Mộng. Chúng ta trở nên một ngôi sao duy nhất,

lửa hồng cháy mãi không khí nào tàn, lửa này là Upadhi (40) của Ngọn Lửa.

(38) Mỗi thời kỳ phát triển trong Raja Yoga được tượng trưng bằng một hình kỷ hà học. Đây là hình tam giác thiêng liêng và ở trước Dhâranâ D là dấu hiệu của những bậc Đệ Tử cao cấp, còn hình tam giác kiểu khác nữa là dấu hiệu của những Bậc đắc quả vị cao. Đó là chữ “Ta” mà Đức Phật đã nói và dùng để tượng trưng cho nhục thân của Đấng Như Lai khi Ngài đã thoát ly ba phương pháp Bát Nhã. Một khi đã vượt qua thời kỳ hạ đẳng, vị Đệ Tử không còn nhìn thấy D nữa mà chỉ thấy sự tóm tắt của cái Bảy nguyên vẹn. Hình thiết của cái này không thể cho biết ở đây vì chắc chắn là nó sẽ bị những tay lái dôi vớ lấy và dùng vào những việc phạm thượng, bất lương.

(39) Ngôi sao chiếu sáng trên đầu là “Ngôi sao điểm đạo”. Dấu hiệu giai cấp của tín đồ phái Siva, tổ của tất cả các nhà Yogi là một điểm đen tròn, hiện thời có lẽ là để tượng trưng Mặt Trời, nhưng ngày xưa là tượng trưng của Ngôi Sao Điểm Đạo trong Huyền Bí Học.

(40) Căn bản (Upadhi) của ngọn lửa mà nếu nhà tu luyện còn tại thế thì không khi nào đạt đến.

89. Hỡi nhà Yogi thành công, chính đây là cái mà thiên hạ gọi là Dhyâna (41) kẻ đến trước cửa Samâdhi (42).

(41) *Dhyâna* là thời kỳ áp chót ở địa cầu này, trề phi con người trở nên một vị Mahatma hoàn toàn. Như người ta đã có nói trong trạng thái này nhà Raja Yogi còn có ý thức tinh thần về tự tánh và về động tác của những nguyên tố cao siêu của người. Nếu tiến đến một bước nữa thì người sẽ vượt lên cõi thứ bảy (hay là thứ tư của mấy học phái khác). Mấy phái này sau giai đoạn Pratyêhara – sự luyện tập để kiểm soát cái trí và tư tưởng – kể chung ba giai đoạn Dhâranâ, Dhyâna và Samâdhi làm một gọi là Samyama.

(42) *Samâdhi* là trạng thái trong đó nhà tu luyện không còn ý thức đến mọi cá nhân gồm cả chính nhà tu luyện nữa. Họ trở nên Tất cả.

90. Và bây giờ Tiểu Ngã của con đã mất hình trong Đại Ngã, chính con tự mất trong bản thể của con, chìm trong Đại Ngã mà trước kia con đã từ đó phóng ra ngoài.

91. Hỡi Đệ Tử, còn đâu là cá tính của con, cho đến chính mình Đệ Tử cũng không còn. Đốm sáng đã mất trong ngọn lửa, giọt nước đã mất trong biển cả, tia sáng luôn luôn hiện hữu đã trở nên Toàn Thể và sự phóng quang bất diệt.

92. Hỡi Đệ Tử, bây giờ con vừa là kếp hát, vừa là khán giả, vừa là vật phóng quang, vừa là sự phóng quang, ánh sáng trong thính âm và thính âm trong ánh sáng.

93. Con đã quen với năm mỗi chương ngại, hồi kẻ hữu phước. Con đã chiến thắng cả năm, làm chủ cái thứ sáu giải phóng bốn thể thức của Chơn Lý (43). Ánh sáng soi sáng chúng nó vốn tự nơi con phát ra, con xưa kia là Đệ Tử nay là Sư Phụ.

(43) Bốn thể thức chân lý theo Phật Giáo Phương Bắc là Ku, “đau khổ và khốn cùng”; Tu, “mọi sự căm dỗ”; Mu, “sự tiêu diệt những căm dỗ” và Tau, “con đường”. Năm “mỗi chương ngại” là nhận thức sự khốn khổ, chân lý về sự yếu tính của con người, những sự kiên cữ khó nhọc và sự cần thiết tuyệt đối phải lìa bỏ tất cả những trói buộc của tình dục và cho đến những dục vọng nữa. Chót hết là “Con đường Giải Thoát”.

Và đối với những thể thức của Chơn lý đó:

94. Con há chẳng đã kinh nghiệm mọi sự khốn khổ sao? Chân Lý thứ nhất.

95. Con há chẳng đã thắng được Ma Vương nơi cửa Đại Hội sao?(44) Chân Lý thứ nhì.

(44) Tại nơi cửa “Đại Hội” Ma Vương dùng sức sáng chói của hột ngọc để mê hoặc thí sinh.

96. Con há chẳng đã ở nơi cửa thứ ba, diệt tiêu tội lỗi và hoạch đắc Chân Lý thứ ba sao?

97. Con há chẳng đã vào trong TAU “Con Đường” dắt đến trí huệ sao? Chân Lý thứ tư (45)

(45) Đây là con đường thứ tư trong năm con đường luân hồi dẫn dắt và xua đẩy tất cả loài người vào những trạng huống khổ và vui không dứt, những “con đường” đó chỉ là những chi phần của con đường duy nhất, con đường Nghiệp Quả.

98. Và bây giờ con hãy yên nghỉ dưới Cội Bồ Đề là trí tuệ viên mãn, bởi vì con hãy biết con là bậc Thầy về pháp Samâdhi, trạng thái thấy biết chắc chắn, không còn lầm lạc nữa.

99. Con hãy xem ! con đã trở nên ánh sáng, con đã trở nên Thinh Âm, con là Sư Phụ của con. Đấng Chí Tôn của con. Chính con là mục đích mà con tìm kiếm; Tiếng bất hoại vang rền đời đời, kiếp kiếp, không biến đổi, bảy thứ tiếng gồm trong một tiếng: TIẾNG VÔ THINH

100. OM-TAT-SAT.

PHẦN THỨ NHÌ

HAI CON ĐƯỜNG

101. Và bây giờ đây, bạch Sư Phụ Từ Bi, xin Ngài chỉ đường cho kẻ khác. Ngài hãy xem, tất cả những kẻ đến gõ cửa để được thấu nhận đương ở trong cảnh dốt nát, tối tăm chờ mong cửa Diệu Pháp mở rộng.

Tiếng của các Thí Sinh

102. Hỡi Đức Thầy Từ Ái, Ngài há đành chẳng tiết lộ Tâm Pháp (1) sao? Ngài há đành chẳng dìu dắt Tôi Tớ Ngài vào con đường Giải Thoát sao?

(1) Phật pháp chia ra Tâm Truyền và Công Truyền gọi là Tâm Pháp và Nhãn Pháp. Gọi là Tâm Pháp vì lẽ giáo pháp đó do tâm Đức Phật trao truyền còn Nhãn Pháp là sản phẩm của trí não Ngài. Tâm Pháp vì đó mà gọi là “Tâm Ấn” hay là “Chân Ấn”, một biểu tượng mà người ta thấy để trên đầu của hầu hết những kinh sách bí truyền.

Đức Thầy nói

103. Con đường có hai⁴; Sự Chí Thiện có ba⁵; sáu Đức Hạnh⁶ biến đổi thân hình thành cây Trí Tuệ (2).

(2) “Cây Trí Huệ” là danh từ mà các môn đồ của Bồ Đề Đạt Ma (tôn giáo căn cứ nơi trí huệ Minh Triết) gọi những kẻ đã đạt đến những trạng thái cao thâm của tri thức thần bí – Nhưng Chơn Tiên Nâgârjuna, đấng sáng lập Môn phái Madhyamika được gọi là ‘Cây Rõng’, Rõng là biểu hiệu của Minh Triết và Trí huệ. Cái cây được tôn sùng vì chính dưới Cội Bồ Đề (Minh Triết) là nơi Đức Phật sinh ra đời, được giác ngộ, thuyết pháp lần đầu và tịch diệt.

104. Ai sẽ bước đến gần ?

105. Ai sẽ vào trước ?

106. Ai là người thứ nhất nghe giảng hai con đường vô một và chân lý của Tâm Pháp (3). Pháp môn bảo đừng học, pháp môn đó dạy Minh Triết và tiết lộ một câu chuyện đau thương.

(3) “Tâm Pháp” là Giáo Lý Bí Truyền.

⁴ Xem câu số 179 trang 53

⁵ Một trong đó, xem câu 306, giải thích (34), trang 86.

⁶ Xem câu 198, 206 trang 57, 60.

107. Hỡi ôi ! Hỡi ôi ! tất cả mọi người đều có Alaya nơi mình, đều là một với Đại Hồn và có nó nơi mình, mà không mấy ai biết dùng Alaya.

108. Kìa xem, cũng như mặt trăng phản chiếu xuống mặt nước im lìm, Alaya phản chiếu trong vật nhỏ cũng như vật lớn, nó soi bóng trong các hạt nguyên tử tí ti nhưng không sao soi thấu tâm vạn vật được. Hỡi ôi ! ít người lợi dụng được tặng vật vô giá là sự học hỏi chân lý, sự nhận thức đúng đắn các sự vật hiện hữu, sự Tri Thức cái không hiện hữu.

Đệ Tử hỏi:

109. Thưa Thầy, con phải làm thế nào để đạt được Minh Triết ?

110. Thưa Đấng Sáng Suốt, con phải làm thế nào để được toàn thiện ?

111. Hỡi Đệ Tử, hãy tìm kiếm đường đi, nhưng con phải có tấm lòng trong sạch trước khi bắt đầu cuộc hành trình của con. Trước khi cất bước ra đi, con phải tập phân biệt cái chân và cái giả, cái vô thường và cái trường cửu. Trên hết mọi sự con phải tập phân tách sự học của Đầu Óc và sự Minh Triết của Tâm Hồn, nhãn pháp và tâm pháp.

112. Sự vô minh giống như một cái hũ đậy kín, không có không khí, linh hồn như chim bị nhốt

trong hũ, nó hết lú lo, đập lông vũ cánh, con chim sơn ca cầm miệng, tê công và chết mòn.

113. Tuy nhiên, sự vô minh còn hơn sự học của Đầu Óc mà không có sự Minh Triết của Tâm Hồn soi sáng và hướng dẫn.

114. Hộet giống Minh Triết không thể nứt mộng đâm chồi trong chỗ không có khí trời. Muốn sống và gạt hái kinh nghiệm, trí phải hiểu cho rộng và cho sâu và có những điểm kéo nó đến Linh Hồn Kim Cương (4). Con chó tìm những điểm đó trong cõi của Ma Vương mà phải đem tâm hồn lên khỏi ảo cảnh để tìm sự tồn tại đời đời bất dịch, bất biến.

(4) *“Linh Hồn Kim Cương” “Vajrasattva” là danh hiệu của Đức Phật Tối Cao, “Chúa tể của tất cả những sự Huyền Bí” gọi là Vajradhara và A Di Đà Phật.*

SAT (5) và con phải đề phòng những khêu gợi lừa dối của tưởng tượng.

(5) *SAT, Chơn Lý và Sự Thật duy nhất trường tồn và Tuyệt Đối, ngoài ra tất cả đều là ảo mộng.*

115. Bởi vì cái trí giống như tấm gương nó chất chứa bụi bậm và phản chiếu (6) hình ảnh bụi bậm đó. Phải có ngọn gió êm dịu của tâm hồn Minh Triết mới thổi bay bụi trần ảo mộng của chúng ta. Hỡi Đệ Tử Sơ Cơ, con hãy tìm cách hòa hợp trí và tâm hồn con lại.

(6) Những giáo pháp của Thần Tú dạy rằng trí con người giống như một tấm gương thu hút và phản chiếu mọi vi trần và ta phải để ý phủi bụi mỗi ngày. Thần Tú là tổ thứ sáu của Bắc Trung Hoa giảng dạy Giáo Lý Bí Truyền của Bồ Đề Đạt Ma.

116. Phải xa lánh sự vô minh, mà cũng phải lánh xa ảo ảnh, con phải ngoảnh mặt, đừng nhìn những lừa dối của trần thế, con chớ tin giác quan của con, chúng giả dối nhưng trong cái kho chứa cảm giác là thân thể con đó, con hãy tìm con người trường cửu (7) trong cái Vô Ngã, và khi tìm được rồi con hãy nhìn trở vô trong : con là Phật (8) đó.

(7) Phật Giáo phương Bắc gọi Chơn Nhơn đang luân hồi là “con người thật” con người hợp nhất được với Cái Ta Cao Siêu của mình là thành Phật.

(8) “Phật” nghĩa là “Giác Ngộ”.

117. Hãy xa lánh lời ca tụng, hỡi kẻ nhiệt tâm sùng đạo, lời ca tụng đưa đến huyễn ngã. Thân thể con không phải là Chân Ngã con đâu. Chân Ngã con không có thân và lời khen chê đều không ảnh hưởng đến nó được.

118. Tự mình xưng tụng lấy mình, hỡi Đệ Tử, không khác nào kẻ ngông cuồng leo lên tháp cao ngồi tự đắc, không còn thấy ai hơn là thấy mình.

119. Cái học sai lầm bị nhà Hiền Triết bác bỏ và Định Luật tốt lành tung nó bay theo gió. Bánh xe

pháp quay cho tất cả mọi người, kẻ khiêm tốn cũng như kẻ kiêu căng. Nhân Pháp (9) để dành cho quần chúng, Tâm Pháp dành cho kẻ được tuyển lựa. Hạng thứ nhất lập lại một cách kiêu căng: “Hãy coi ! Tôi biết.” Hạng sau là những kẻ thâm lượm một cách khiêm tốn và nhỏ nhẹ thú nhận : “Đây là điều tôi đã nghe được (10)”.

(9) Xem phần thứ nhì, giải nghĩa số (1), trang 33. Phật Giáo Công Truyền của quần chúng.

(10) Câu “Như Thị Ngã Văn” thường để trước kinh sách Phật Giáo có nghĩa là lời của Phật và các vị La Hán đã thu thập được bằng cách Khâu Truyền.

120. Hối Đệ Tử, Cái Sàng To là danh từ để gọi Tâm Pháp.

121. Bánh xe Diệu Pháp xoay mau lẹ cả ngày lẫn đêm. Nó làm cho tróc lớp vỏ vô giá trị của hạt lúa vàng, nó lọc bột cho hết chất vô dụng. Bàn tay Nhân Quả điều khiển bánh xe, sự tuần hoàn là nhịp đập của trái tim Nhân Quả.

122. Chân tri thức là bột, sự học sai lầm là trấu. Nếu con muốn ăn bánh Minh Triết thì con phải nhồi bột với nước Amrita⁷ trong ngần. Còn nếu con nhồi trấu với nước sương mù Mộng Ảo thì con

⁷ Bất tử

chỉ có thể làm ra món ăn cho loài chim tử, sanh, lão, khô.

123. Nếu ai nói với con rằng, muốn thành La Hán con phải dứt sự thương yêu đối với mọi người thì con hãy trả lời là họ nói láo.

124. Nếu ai nói với con rằng, muốn được giải thoát con phải ghét mẹ, bỏ con, đừng nhìn cha nữa mà chỉ gọi người là gia trưởng thôi (11), bởi vì con phải diệt lòng trắc ẩn đối với người và vật, thì con hãy nói cho họ biết là họ nói vô lý.

(11) *Rathapâla gọi cha như thế trong câu chuyện Rathapâla Sutrassanne.*

125. Đó là học thuyết của bọn Tirthikas, hạng người ngoại đạo⁸.

126. Nếu ai dạy con rằng tội lỗi do hành động gây ra và muốn có hạnh phúc phải đừng làm gì hết, con hãy nói cho họ biết là họ lầm. Không tiếp tục công việc của loài người, giải thoát thần trí khỏi vòng nô lệ bằng cách thôi làm tội lỗi suông, không phải là việc thích đáng cho Chân Nhân đang chịu luân hồi. Đó là lời của “Tâm Pháp”.

127. “Nhãn Pháp” là hiện thân của cái bên ngoài và cái không tồn tại.

⁸ Hạng người Bà La Môn khô hạnh.

128. “Tâm Pháp” là hiện thân của Bồ Đề ⁹, cái Thường Trụ và Thường Tôn.

129. Cái Đèn cháy tỏ rạng khi mà tim và đầu đều sạch sẽ. Muốn cho tim và đầu được sạch thì phải có người sẵn sóc lau chùi. Ngọn lửa không biết có sự lau chùi đó. “Nhánh cây bị gió thổi oằn oại, nhưng thân cây vẫn đứng yên”.

130. Sự hành động và sự bất động đều có ở nơi con. Xác thân con cử động, trí con yên tịnh, Tâm Hồn con trong suốt như nước hồ trên đỉnh núi cao.

131. Con có muốn trở nên một nhà Yogi trong “Vòng của Thời Gian” không ? Nếu có thì hỏi Đệ Tử :

132. Con chớ tin là ngồi trong rừng sâu, kiêu hãnh sống riêng biệt với người đời, con chớ tin là đói ăn rễ cây, khát uống nước tuyết, con chớ tin là mấy điều đó sẽ dắt con đến mục đích giải thoát cuối cùng.

133. Con chớ tưởng rằng tự làm cho mình gãy xương, rách thịt là hợp nhất được với “Chơn Ngã Tịch Tĩnh”(12) của con. Con chớ tưởng rằng khi đã thắng được tội lỗi của xác thịt thì, hỏi Nạn Nhân

⁹ *Chân Minh Triết thiêng liêng*

của Hình Bóng của mình (13), phận sự của con đối với vạn vật và nhân loại đã xong xuôi.

(12) Cái ta Cao Siêu, nguyên tổ thứ bảy.

(13) Xác thân của chúng ta, các trường huyền bí gọi là “cái bóng”.

134. Những bậc hiền nhân rất khinh bỉ những hành động như thế. Vị Sư Tử Pháp, Đấng Từ Bi Vô Lượng¹⁰ đã hiểu rõ nguyên nhân của sự đau khổ trần gian, liền từ bỏ ngay sự yên nghỉ êm đềm nhưng ích kỷ nơi chốn rừng hoang tịch mịch. Bỏ cảnh Aranyaka (14) người trở ra đời làm Thầy của nhân loại. Sau khi Như Lai (15) đạt Niết Bàn, Người đi truyền giáo khắp chốn núi non cùng đồng nội và thuyết pháp trong các đô thị cho Thiên Thần (16) và Người.

(14) Nhà ẩn tu, ẩn thân trong rừng rậm khi đã trở nên vị Yogi.

(15) Như Lai, tiếng Trung Hoa dịch Tathagâta tôn hiệu của Phật.

(16) Tất cả phương Bắc và phương Nam đều đồng ý rằng Đức Phật đời bỏ cảnh cô đơn khi Ngài giải quyết được bài toán đố của đời sống lúc Ngài giác ngộ, và đi dạy dỗ nhân loại.

¹⁰ Đức Phật

135. Con hãy gieo những hành vi tốt và con sẽ gặt hái kết quả của những hành vi đó. Quên sót một hành động bác ái là vi phạm một tội lỗi nặng nề. Bậc hiền triết nói như thế.

136. Con còn kiêng cử sự hoạt động nữa chăng ? Không phải làm như thế mà hồn con sẽ được tự do đâu. Muốn đạt đến Niết Bàn phải đạt sự Tự Tri và sự Tự Tri vốn là con đẻ của hành vi từ thiện.

137. Hỡi Thí Sinh, con phải kiên nhẫn như kẻ không sợ sự thất bại, không đua nịnh sự thành công. Con hãy đặt mắt của Tâm Hồn nơi ngôi sao mà con là tia sáng (17); Ngôi sao chói lọi trong chốn sâu thẳm, tối tăm của bản thể trường tồn, trong cõi vô biên vô tận của cái Bất Khả Tri.

(17) Theo Bí Giáo thì mỗi Chơn Nhơn là một tia sáng của một vị Thượng Đế cai quản một Hành Tinh Hệ.

138. Con hãy bền chí như một kẻ sống đời đời. Những hình bóng của con sống và tàn tạ (18). Cái sẽ sống mãi ở nơi con, cái “biết” ở nơi con, chính nó là tri thức (19) không phải thuộc về đời sống phù du này; đó là con người có tồn tại từ trước, hiện đang tồn tại và sẽ tồn tại mãi mãi, đối với con người đó giờ cuối cùng sẽ không khi nào gõ.

(18) Những phàm nhân hay là xác thân ngăn ngủi như những cái bóng.

(19) *Trí (Manas) nguyên lý tư tưởng hay là Chơn Nhơn, trong con người là chỉ riêng cho “Trí thức” mà thôi vì Chơn Nhơn của con người gọi là Manasa putras, con của Trí (phổ biến).*

139. Nếu con muốn gặt sự bình an, yên nghỉ êm đềm thì con phải gieo hạt giống công lao nơi miếng ruộng sẽ gặt mùa tới, con phải nhận lãnh những nỗi đau khổ của kiếp luân hồi.

140. Hãy lui vào bóng tối để cho kẻ khác hưởng ánh nắng mặt trời. Những giòng nước mắt tươi lên miếng đất khô khan đầy nhọc nhằn, đau khổ sẽ làm mọc lên bông, trái theo luật thù đáp của Nhân Quả. Ở trên lò lửa của đời người và trên làn khói đen của nó bốc lên những ngọn lửa nhẹ nhàng tinh khiết càng ngày càng cao dưới tầm mắt Nhân Quả để cuối cùng dệt nên canh chỉ rực rỡ của ba thứ Đạo Phục (20).

(20) Xem giải thích ở phần ba số (34), trang 86.

141. Ba thứ Đạo Phục đó là Nirmânakâya, Sambhogakâya và Dharmakâya, thứ y phục tuyệt diệu (21).

(21) Xem giải thích ở phần ba số (34), trang 86.

142. Quả thật là áo Shangna (22) có thể mua được ánh sáng đời đời. Áo Shangna đủ đem lại cho con người cảnh Niết Bàn tịch diệt; nó chấm dứt sinh tử, nhưng hồi Đệ Tử, nó cũng giết chết lòng

từ bi. Có thể nào những Đức Phật trọn lành một khi đã choàng vào mình sự vinh diệu của Pháp Thân (Dharmakâya) thì không còn giúp vào sự cứu vớt nhân loại được nữa. Hỡi ôi ! Đám sinh linh kia sẽ bị hy sinh cho cái Ta đó sao ? Cả nhân loại sẽ bị hy sinh cho hạnh phúc của những Đơn Vị ?

(22) Áo Shangna của Shangnavesu ở xứ Rajagriha vị Đại La Hán hay là tổ thứ ba trong 33 vị tổ nối nhau truyền bá Phật pháp. Áo Shangna tỉ dụ như sự hoạch đắc Minh Triết nhờ đó người ta nhập Niết Bàn tịch diệt (tịch diệt bản ngã). Theo tị nghĩa là “Áo Điểm Đạo” của vị Neophytes. Edkins nói: “Thứ áo bằng cỏ từ Tây Tạng du nhập Trung Hoa dưới triều nhà Tống”. Truyền kỳ Trung Hoa và Tây Tạng nói rằng: “Khi có một vị La Hán ra đời người ta thấy cỏ này mọc nơi chỗ tinh khiết”.

143. Hỡi Đệ Tử sơ cơ, con hãy biết rằng đó là con Đường mở rộng, con đường hạnh phúc ích kỷ mà những Bậc Bồ Tát đi theo con đường “Tâm Pháp”, những Đức Phật Từ Bi xa lánh.

144. Sống để làm lợi ích cho nhân loại là bước thứ nhất; thực hành sáu hạnh cao quý (23) là bước thứ nhì.

(23) Hành con đường Paramita nghĩa là làm nhà Yogi tu khổ hạnh.

145. Mặc áo Nirmanakâya vi diệu là khước từ hạnh phúc đời đời cho mình để giúp vào sự cứu giúp nhân loại. Đạt được Chân Phúc Niết Bàn nhưng không hưởng đó là bước cao quý cực điểm, bước chót trên Con Đường Từ Bỏ.

146. Con hãy biết, hồi Đệ Tử, đó là con Đường Bí mật mà các Đức Phật Trọn Lành đã chọn lựa, các Ngài hy sinh mình cho chúng sinh còn yếu đuối.

147. Tuy nhiên, nếu “Tâm Pháp” quá cao đối với con, nếu con cần tự giúp lấy con và sợ không dám cứu trợ kẻ khác thì, hồi kẻ yếu tính, ta cảnh cáo cho con biết, con nên an phận theo “Nhân Pháp” thì hơn. Con hãy cứ hy vọng. Bởi vì nếu hiện giờ con chưa có thể theo đuổi “con Đường Bí Mật” thì “Ngày Mai” (24) nó sẽ vừa với sức con, con nên biết rằng những sự gắng sức hướng về đường thiện hay đường ác, dù nhỏ đến đâu nữa cũng không thể tiêu mất nơi cõi nguyên nhân. Dù cho làn khói bay cũng không thể không còn dấu vết. “Một lời nói phũ phàng thốt ra trong những kiếp trước, cũng không tiêu mà vẫn luôn luôn trở lại”¹¹. Dây tiêu không thể trở sanh bông hường và

¹¹ *Giáo huấn của trường Prasanga*

hoa lài trắng tinh khả ái không thể biến thành gai góc.

(24) *“Ngày Mai” nghĩa là kiếp tới.*

148. Ngày nay con có thể tạo những cơ hội may mắn cho ngày mai của con. Trong cuộc “Đại hành trình”(25) những nguyên nhân gieo ra mỗi giờ đều sẽ có mùa kết quả của mỗi thứ, bởi vì Định Luật Chí Công thống trị Thế Gian. Với một trón đầy tới mãnh liệt không khi nào sai lạc, luật công bình mang lại cho con người hạnh phúc hay đau khổ, cái hậu quả của nghiệp báo của tất cả tư tưởng, hành vi của chúng ta từ kiếp trước.

(25) *“Đại hành trình” hay là những kiếp luân hồi trong một cuộc tuần hoàn.*

149. Con hãy lãnh lấy tất cả những gì mà công lao dành cho con, hỡi người có tấm lòng son sắt. Hãy vui vẻ, an lòng lãnh số phận mình. Đó là Nghiệp Quả của con. Nghiệp Quả của các kiếp luân hồi của con, mà cũng là vận mệnh của những kẻ, trong cảnh đau buồn, sanh ra đồng thời với con, họ đã vui mừng và than khóc kiếp này sang kiếp khác, liên hệ với các hành động từ kiếp trước của con.

150. Bây giờ con hãy làm cho người, rồi ngày mai người sẽ làm cho con.

151. Chính mầm Từ Bỏ bản ngã sẽ trở thành trái ngọt của sự Giải Thoát cuối cùng.

152. Kẻ nào vì sợ Ma Vương, vì e mình còn lòng vị kỷ, mà không dám giúp người, kẻ đó đành phải chịu chết. Kẻ đi đường xa mệt mỏi muốn xuống sông tắm cho mát mà sợ nước cuốn, có thể chịu nóng không nổi mà chết. Vì lòng ích kỷ mà không dám làm gì hết chỉ đem lại quả xấu mà thôi.

153. Người sùng đạo ích kỷ sống không mục đích. Người không làm tròn phận sự ở đời cũng sống vô ích.

154. Con hãy lăn theo bánh xe đời, hãy lăn theo bánh xe nghĩa vụ đối với nòi giống, họ hàng, bạn hữu và thù nghịch và đừng nghĩ đến những vui thích cũng như những khổ cực. Con hãy làm khô kiệt sự thù báo của Nhân Quả. Hãy đạt những Siddhis cho kiếp tới của con.

155. Nếu con không thể làm Mặt Trời thì hãy yên phận làm hành tinh nhỏ. Thực thế, nếu con bị trở ngại không thể rọi tia sáng như Mặt Trời đứng bóng trên đỉnh núi tinh khiết trường tồn thì hồi Đệ Tứ Sơ Cơ, con hãy chọn một nghĩa vụ khiêm tốn hơn.

156. Hãy chỉ “con Đường” - dù khi phải sống lẫn lộn trong đám quần chúng không ai biết đến

con – như sao hôm chỉ đường cho những kẻ đi trong đêm tối.

157. Kìa con hãy nhìn xem “Con Mắt của Migmar”¹² xuyên qua lớp lưới bao mặt màu đỏ sậm để lặng nhìn địa cầu đang yên giấc. Con hãy xem “Bàn Tay” sáng rực của Lhagpa¹³ đưa ra trên đầu các nhà khố tu một cách yêu thương che chở. Cả hai hiện giờ là bộ hạ của Nyima¹⁴ (26) lặng lẽ thức canh trong đêm tối lúc vắng chủ. Tuy nhiên, trong những Kalpas trước, cả hai đều sáng chói như Nyimas và trong “Tương Lai” sẽ có thể trở nên hai ngôi Mặt Trời trở lại. Đó là cuộc thăng trầm của Luật Nhân Quả trong vũ trụ.

(26) Nyima là Mặt Trời theo chiêm tinh học Tây Tạng. Con mắt là biểu tượng của Migmar hay Mars, bàn tay là biểu tượng của Lhagpa hay Mercury.

158. Hỡi Đệ Tử, con hãy theo gương hai ngôi hành tinh đó, con hãy soi sáng và ủy lạo kẻ khố nhọc trên Đường Đạo và hãy tìm kẻ biết ít hơn con, kẻ đương ngôi nạn chí, phiền muộn lòng đói bánh Minh Triết và cả bánh nuôi cái hình bóng, không

¹² Hỏa tinh

¹³ Thủy tinh

¹⁴ Mặt Trời (The Sun)

gặp Thầy, không một tia hy vọng, không một lời an ủi, con hãy nói Pháp cho người ta nghe.

159. Con hãy nói với y, hỏi thí sinh, kẻ nào đem tính kiêu căng và tự ái làm tội tớ cho lòng sùng đạo, kẻ nào tuy còn lưu luyện cuộc đời nhưng đem tính nhân nại và phục tùng đối với Định Luật, như một đóa hoa dịu dàng dưới chân của Đức Thích Ca Mâu Ni, kẻ đó sẽ trở nên một Tu Đà Hoàn (27) trong kiếp hiện tại. Pháp lực hoàn thiện có thể nháng thấy đằng xa, thật xa, nhưng y đã bước được bước đầu, y đã nhập lưu và y có thể hoạch đắc sự thấy của con phượng hoàng trên đỉnh núi cao, sự nghe của con hoẵng cái.

(27) Strôtâpatti hay là “kẻ vào trong dòng sông” đưa đến Niết Bàn, ngoại trừ một lẽ đặc biệt nào không kể, người Tu Đà Hoàn ít khi đạt đến Niết Bàn trong một kiếp. Người ta nói: “Thường thường một vị Đệ Tử phải gắng công từ kiếp được nhập lưu cho đến kiếp thứ bảy mới tới mục đích được.

160. Con hãy nói với y, hỏi kẻ chí nguyện, lòng sùng đạo chân thành có thể hoàn lại cho y những tri thức mà y đã có trong những kiếp trước. Thần nhãn, thần nhĩ không thể nào đạt được trong kiếp ngắn ngủi.

161. Hãy khiêm tốn, nếu con muốn có Minh Triết.

162. Hãy khiêm tốn hơn nữa, nếu con đã có được rồi.

163. Hãy giống như biển cả thu nhận tất cả sông, suối. Về yên tĩnh mệnh mông của biển cả cũng vẫn không có gì thay đổi; nó không biết là có nước sông, suối thêm vào cho nó.

164. Hãy dùng sức Chơn Nhơn để trấn áp Phàm Nhơn.

165. Hãy dùng sức Chơn Thần để trấn áp Chơn Nhơn.

166. Phải đẩy, cao cả thay kẻ nào giết chết dục vọng.

167. Còn cao cả hơn nữa kẻ nào mà Chơn Nhơn đã giết chết sự biết có dục vọng.

168. Hãy đề phòng bản ngã sợ e nó làm như bản đến Chơn Ngã.

169. Con đường đi đến tự do cuối cùng ở bên trong Chơn Ngã của con.

170. Con đường này bắt đầu và chấm dứt ở ngoài bản ngã (28).

(28) Nghĩa là bản ngã thấp kém.

171. Mẹ của tất cả Sông, Rạch không được thiên hạ và người, Tirthikas không cho là có giá trị gì;

đối với con mắt của bọn điên cuồng thì nhân thân vốn trống rỗng mặc dầu chứa đầy nước Amrita (cam lồ). Tuy nhiên, nguồn cội của các sông thánh vốn ở nơi thánh địa (29) và kẻ có đức Minh Triết được mọi người quý trọng.

(29) Tirthikas là một phái của Bà La Môn ở bên kia Hy Mã Lạp Sơn, tín đồ Phật Giáo ở Thánh Địa Tây Tạng gọi họ là ngoại đạo và họ cũng gọi bên kia lại như thế.

172. Bạc La Hán và Hiền Giả quán thông mọi sự (30) vốn hiếm có như bóng cây Udumbara. Những vị La Hán sanh ra lúc nửa đêm, đồng thời với cây thiêng có chín và bảy cộng (31) với bông thiêng nở trong đêm tối dưới giọt sương tinh khiết, trong lòng giá lạnh ở đỉnh núi cao trùm tuyết, nơi mà bàn chân của những kẻ còn mang tội lỗi không khi nào bước đến được.

(30) Người ta cho rằng vị La Hán thấy và biết được tất cả, ở gần cũng như ở xa.

(31) Cây Shangna. Xem số (22) phần 2, trang 44.

173. Hối Đệ Tử, không một vị La Hán nào, chứng được quả này trong kiếp mà Linh Hồn mới lần thứ nhất bắt đầu có nguyện vọng về sự giải thoát cuối cùng. Tuy nhiên, con chó lo lắng, không một chiến sĩ nào có lòng ứng mộ để quyết chiến trong trận tranh phong giữa đạo quân sống và đạo

quân chết (32), không một tên quân mới mộ nào là không được quyên vào trong con đường đưa đến chiến địa.

(32) Kẻ sống là Chơn Nhơn bất tử và kẻ chết là phàm ngã thấp kém.

174. Bởi vì chiến sĩ phải thắng hay phải ngã.

175. Thắng tất là Niết Bàn sẽ về người. Trước khi người cởi bỏ cái hình bóng của người, di hài của người, cái nguyên nhân sinh ra những ưu tư và đau khổ vô tận vô biên, người sẽ được chúng sinh tôn kính như một vị Phật.

176. Nếu có ngã đi nữa thì cái chết của người cũng không vô ích, những kẻ thù mà người đã giết trong trận giặc chót sẽ không sống lại trong kiếp lai sinh.

177. Nhưng nếu con muốn đến Niết Bàn hay là bỏ đi không hưởng (33) con chớ vì lý do muốn hành động hay không muốn hành động, hỡi con người có tấm lòng can đảm.

(33) Xem giải thích ở phần ba số (34), trang 86.

178. Con nên biết rằng vị Bồ Tát không hưởng sự Giải Thoát để mang những nỗi khổ cực của “Đời Sống Bí Mật” (34) được xưng tụng là “Bậc Thượng Tôn”, hỡi Đệ Tử ứng mộ để chịu sự đau khổ từ chu kỳ này sang chu kỳ khác.

(34) Đồi Sống Bí Mật là đồi của vị Nirmânakaya.

179. Con đường vốn có một, hồi đệ tử, nhưng đến cuối cùng nó chia làm hai. Có bốn và bảy cửa¹⁵ đánh dấu các đoạn đường. Ở mút con đường bên này là hạnh phúc hưởng liền, ở mút con đường kia là hạnh phúc hoãn lại. Cả hai đều là sự ban thưởng công lao. Sự lựa chọn ở trong tay con đó.

180. Một con đường thành hai, một con đường Công khai và một con đường Bí Mật (35). Con đường thứ nhất dắt đến mục đích, đường thứ hai dắt đến sự Tự Hy Sinh.

(35) Con đường công khai dạy cho các người thế tục và thường thường được thiên hạ theo, tính cách của con đường Bí Mật khi được điếm đạo mới dạy.

181. Khi đã hy sinh cái Giả Tạm cho cái Thường Tồn thì phần thưởng về con: giọt nước trở về nguồn cội. Con đường công khai dắt đến cảnh bất dịch, bất biến, đến Niết Bàn, đến trạng thái vinh quang cực điểm, đến chân phúc quá sức tưởng tượng của con người.

182. Như thế thì con đường thứ nhất là sự Giải Thoát.

¹⁵ Xem câu số 198, trang 57.

183. Nhưng con Đường thứ nhì là Sự Từ Bỏ, do đó cũng gọi là con “Đường Đau Khổ”.

184. Con Đường Bí Mật dắt vị La Hán đến sự khổ trí không thể tả, khổ vì thấy người sống mà vẫn chết (36) và thương xót mà không làm thế nào được đối với những kẻ phải chịu khổ cực theo luật Nhân Quả mà bậc hiền giả không dám làm cho dịu bớt.

(36) Người ta gọi kẻ không biết sự Minh Triết và những chân lý bí truyền là “Kẻ chết mà đang sống”.

185. Bởi kinh sách có nói: “Hãy dạy người đừng tạo Nhân, còn Quả giống như ngọn thủy triều đang lớn, phải để cho nó đi xuôi chiều của nó”.

186. Con vừa đạt đến mục đích của con Đường Công Khai là con sẽ cởi bỏ thân Bồ Tát và hưởng cảnh quang vinh cực điểm của Dharmakâya (37) tức là quên mất Thế Gian và loài người.

(37) Xem giải thích ở phần ba số (34), trang 86.

187. Con Đường Bí Mật cũng dắt đến chân phúc của Đại Niết Bàn, nhưng sau khi đã trải qua vô số Kalpas; sau bao lần được cảnh Niết Bàn mà không hưởng vì lòng từ bi vô lượng đối với chúng sinh khờ dại.

188. Nhưng người ta nói rằng: “kẻ hưởng sau sẽ có quả vị to nhất”. Samyak Sambuddha Đức Thầy

Trộn Lành đã bỏ Chân Ngã để cứu vớt chúng sinh và ngừng bước ở ngưỡng cửa Niết Bàn, trạng thái tinh khiết.

189. Bây giờ con đã biết rõ về hai con đường. Đến một ngày kia, hỡi con người có tâm hồn nồng nhiệt, khi con đã đi đến cuối con Đường và qua khỏi bẫy Cửa con sẽ phải chọn lấy một. Tâm trí con đã sáng suốt. Con không còn bị bối rối trong những tư tưởng sai lầm, bởi con đã biết tất cả. Chân Lý lộ nguyên hình và nghiêm nghị ngó ngay mặt con. Nó nói:

190. Vì lòng thương mình mà hưởng những quả An Nghỉ và Giải Thoát cũng có ngọt ngào đôi chút, nhưng những quả của nghĩa vụ lâu dài và cay đắng, của hy sinh vì lòng thương kẻ khác, vì lòng thương anh em đồng loại đau khổ, còn ngọt ngào hơn nữa.”

191. Vị Độc Giác Phật (38) vâng lời bản ngã. Vị Bồ Tát đã chiến thắng, đã nắm phần thưởng trong tay nhưng vì lòng từ bi vô lượng mà nói:

192. “Vì lòng thương người tôi xin nhường phần thưởng to tát này lại”. Ngài làm tròn đại nguyện Từ Bỏ.

(38) Pratyêka Buddha là các vị Bồ Tát đã cố gắng nhiều kiếp và đạt được Dharmakâya. Các Ngài không chú ý đến nỗi đau khổ của nhân loại và không giúp đỡ

họ. Ngài chỉ lo riêng cho mình, Ngài nhập Niết Bàn đi ra ngoài tầm mắt và trái tim nhân loại. Phật giáo phương Bắc coi Pratyêka Buddha là Ích Kỷ.

193. Ngài là một Đấng Cứu Thế.

194. Con hãy xem ! Mục đích của chân phúc và Con Đường Đau Khổ dài đằng đẵng ở chốn xa xăm kia. Trong hai con đường con có thể chọn một, hỡi kẻ có chí nguyện chịu buồn thảm, trong những chu kỳ sẽ tới.

195. ÔM VAJRAPANI HUM.

PHẦN THỨ BA

BẢY TỪNG CỦA ĐẠO

196. “Bạch Sư Phụ (Upadya) (1) ý con đã quyết, con khao khát sự Minh Triết. Bây giờ Sư Phụ đã xé tan bức màn che trước con Đường Bí Mật và dạy Pháp đại thừa Yâna (2). Con nguyện một lòng vâng theo lời Sư Phụ chỉ dạy”.

(1) *Upadya là Sư Phụ, là Guru.*

(2) *Yâna là cỗ xe, như thế Mahayâna là cỗ xe lớn và Hinayâna, là cỗ xe nhỏ tên của hai môn phái tôn giáo và triết học của Phật Giáo Phương Bắc.*

197. Được lắm, Thinh Văn (3) con hãy chuẩn bị đi, bởi vì con phải khởi hành một mình. Thầy chỉ có thể chỉ đường cho con mà thôi. Đối với mọi người con đường có một, nhưng những phương tiện để đạt mục đích phải thay đổi tùy mỗi kẻ Hành Hương.

(3) *Thinh văn, kẻ nghe.*

198. Con lựa con Đường nào, hỡi con người có hùng tâm đại chí ? Bốn bậc Thiên Định của Nhân Pháp (Samtan) (4)? Hay là con đường Ba La Mật Đa (5) có sáu hạnh, sáu cửa đức hạnh đó dắt đến Bồ Đề và đến Prajna, nấc thứ bảy của Minh Triết ?

(4) *Samtan* cũng giống tiếng *Sanskrit Dhyâna* hay là trạng thái thiền định có bốn bậc.

(5) *Paramitas*: Lục độ, sáu đức hạnh, đối với các vị tu sĩ thì có mười hạnh.

199. Con đường gay go của bốn bậc thiền định quanh co khúc khuỷu và dốc đứng. Kẻ leo lên được đến đỉnh chí cao của con đường này quả thật là vị Đại Sĩ.

200. Muốn đến đỉnh các Ba La Mật Đa con phải trải qua một con đường gay go hơn nữa. Con phải mở một con đường xuyên qua bảy cửa có những Hung Thần đa mưu, túc trí, hiện thân của dục vọng đóng giữ.

201. Hãy can đảm lên, hỡi Đệ Tử, con hãy nhớ lấy luật vàng. Một khi con đã vượt qua cửa *Srôtâpatti* (6) “nhập lưu”, một khi con đã bước vào lòng sông dắt đến Niết Bàn trong kiếp này hay trong một kiếp tới, con sẽ còn luân hồi bảy kiếp nữa thôi¹⁶, hỡi con người có Ý Chí cứng rắn như kim cương.

(6) *Srôtâpatti* theo tị nghĩa là “kẻ vào trong giòng nước”, “nhập lưu” chảy đến Niết Bàn. Đó là tên của con đường thứ nhất. Con đường thứ nhì tên là *Sakridagamin* “kẻ chỉ còn luân hồi một kiếp nữa thôi”.

¹⁶ Xem câu số 297, trang 84.

Con đường thứ ba gọi là Anagâmin “kẻ không còn luân hồi nữa” trừ phi người muốn luân hồi để giúp đời. Con đường thứ tư là con đường của vị La Hán. Đó là con đường cao nhất. Vị La Hán thấy Niết Bàn trong kiếp hiện tại. Đối với Ngài trong khi thiền định Tam Muội (Samâdhi) Ngài biết tất cả ân huệ cõi Niết Bàn chớ không phải sau khi chết.

202. Con hãy xem dưới mắt con có những gì, hỏi kẻ có chí nguyện đạt đến Minh Triết của bậc thần tiên ?

203. “Màn hắc ám, bao trùm vật chất, con đang vùng vẫy trong những lần xếp của bức màn đó. Bạch Sư Phụ ! mắt con nhìn thấy hắc ám càng sâu càng dày, bàn tay của Sư Phụ vệt tan hắc ám. Một cái bóng cử động bò đi giống hình uốn khúc của một con rắn vươn dài ra... Nó lớn thêm, phòng to và biến mất trong bóng tối”.

204. Đó chính là cái bóng của con ở bên ngoài Đường Đạo, rọi lên tội lỗi đen tối của con đó !

205. “ Bạch Sư Phụ, con nhìn thấy con Đường, chân nó ở trong bùn, đỉnh nó chìm trong ánh vinh quang của Niết Bàn. Và bây giờ con thấy mấy cái Cửa hẹp trên con đường gập ghềnh, chông gai đi đến Gnyana”¹⁷ .

¹⁷ Minh triết, Hiểu biết

206. Con thấy đúng đó, hồi Đệ Tử. Mấy cửa đó dắt kẻ chí nguyện vượt qua giòng nước “đến bờ bên kia” (7). Muốn mở mỗi cửa phải có một chìa khóa vàng, những chìa khóa đó là :

(7) *Đôi với tín đồ Phật Giáo Phương Bắc “đến bờ bên kia” có nghĩa là đạt được Niết Bàn bằng cách hành sáu và mười hạnh Paramitas.*

207. 1. **Dâna**, chìa khóa bố thí và từ bi vô tận.

208. 2. **Shila**, chìa khóa điều hòa trong lời nói và việc làm, chìa khóa làm cho thẳng bằng Nhân và Quả, không còn gây Nghiệp nữa.

209. 3. **Kshanti**, đức nhẫn nhục dịu dàng, không gì làm cho phật lòng được.

210. 4. **Virag'**, thản nhiên đối với sự vui và sự khổ, thấy rõ ảo ảnh, nhận được chân lý.

211. 5. **Virya**, đại hùng đại lực mở đường thẳng đến Chân lý Siêu Việt, ngoài vòng bùn lầy của những giả dối trần gian.

212. 6. **Dhyâna**, cửa vàng này một khi đã được mở ra sẽ dẫn vị Narjol¹⁸ đến cõi Sat trường tồn và sự đấm mình thường xuyên nơi cõi đó.

¹⁸ *Vị Thánh, vị Chơn Tiên*

213. 7. **Prajna**, chìa khóa này làm cho con người thành một bậc thần tiên và đào tạo người thành bậc Bồ Tát, con của Dhyânis.

214. Đó là chìa khóa vàng mở mấy Cửa.

215. Trước khi đến gần cửa chót, hồi kể ra tay đào tạo sự tự do của mình, con phải chiếm đoạt dài theo con đường khô nhọc những Pâramitas hoàn thiện đó, những đức tính siêu việt kể ra có sáu và mười¹⁹ .

216. Hồi đệ tử, bởi vì trước khi để cho con gặp được Sư Phụ con, mặt đối mặt, ánh sáng đối ánh sáng, người ta đã nói gì với con.

217. Trước khi có thể đến gần cửa thứ nhất con phải tập tách riêng thân con ra ngoài trí con, phá tan bóng tối và sống trong trường tồn. Muốn được thế con cần phải sống và thở trong tất cả, cũng như tất cả những gì con nhận thấy đều thở trong con, con phải cảm thấy con ở nơi mọi vật, và mọi vật trong Đại Ngã.

218. Con chớ để cho giác quan của con lấy cái trí con làm chỗ chơi đùa, nhảy nhót.

¹⁹ Đó là con đường Dhyâna, bờ bến của nhà Yogi, mục đích mà vị Srôtâpattis mong mỏi.

219. Con không được tách riêng con người của con với Bản Thể và vạn vật, mà con rót Biển Cả vào trong giọt nước, giọt nước vào trong biển cả.

220. Như thế con sẽ hoàn toàn hòa hợp với mọi sinh vật, con hãy thương yêu người như họ là sư huynh, sư đệ của con, là học trò đồng chung một Sư Phụ, con đồng chung một mẹ hiền.

221. Có nhiều Sư Phụ trong đó Hồn Mẹ (8), Alaya Hồn Vũ Trụ là một, con hãy sống trong Đức Sư Phụ đó cũng như tia sáng của người sống ở nơi con, hãy sống nơi đồng loại của con, cũng như họ sống nơi Người.

(8) Hồn mẹ là Alaya, hồn Vũ Trụ hay là Atman, mỗi người đều có nơi mình một tia của nó và có thể đồng hóa mình với tia đó, nhập vào tia đó.

222. Trước khi để được bước đầu vào Đường Đạo, trước khi vượt qua cửa thứ nhất, con phải hỗn hợp hai vào trong Một và hy sinh tư ngã cho Chơn Thần Vô Ngã và do đó phá bỏ con đường ở giữa đôi bên – Antahkarana (9).

(9) Antakarana là Hạ Trí, con đường giao thông giữa Phạm Nhân và Thượng Trí hay Linh Hồn con người. Khi chết, đường giao thông này bị tiêu hủy và phần còn lại sống trong Kama-rupa cái vỏ.

223. Con phải chuẩn bị để trả lời với Dharma, luật nghiêm khắc, tiếng nó sẽ thốt lên để hỏi con ở đâu đường, ở bước thứ nhất :

224. “Người đã làm đúng các qui điều chưa ? Hỏi người có những ước vọng cao siêu ?”.

225. “Người có làm sao cho tâm và trí của người hòa nhịp với trí và tâm của tất cả nhân loại chăng ?” Bởi vì, cũng như tiếng gầm thét của con Sông Thánh ứng đáp tất cả những âm thanh của Vạn Vật (10), tâm của “Kẻ muốn nhập lưu” phải rung động đáp lại mọi tiếng thở than, mọi tư tưởng của những gì có sống và có thở.

(10) Phật Giáo Đồ Phương Bắc và thực ra tất cả người Trung Hoa đều cho là tiếng gầm thét của một vài sông Thánh biểu lộ chủ âm của Thiên Nhiên. Vì đó mới có sự so sánh trên đây. Một điều được công nhận trong Vật Lý Học cũng như trong Huyền Bí Học là hợp thành lực của các tiếng tằm thiên nhiên theo như tai người ta nghe được, trong tiếng chảy âm âm của các đại giang, trong tiếng gió thổi đu đưa các ngọn cây trong rừng, hoặc tiếng tằm của một đô thị ở xa, hợp thành một thanh âm duy nhất và có một âm điệu riêng. Điều này được các nhà Vật Lý Học và các Nhạc Sĩ chứng minh. Như Giáo Sư Rice (nhạc Trung Hoa) chỉ rõ người Trung Hoa đã nhìn nhận điều này cả ngàn năm trước khi họ nói “nước của Hoàng Hà chảy nghe có giọng Kung” gọi là “Đại Cung” trong nhạc Trung Hoa, và

ông chỉ rõ cung này tương xứng với cung Fa, “được Khoa Vật Lý Học kim thời xem như là chủ âm của thiên nhiên hiện giờ”. Giáo Sư B. Silliman cũng có nói trong cuốn “Nguyên tắc vật lý” của ông “cung này là Fa trung bình của dương cầm mà người ta có thể xem là chủ âm của Tạo Vật”.

226. Người ta có thể ví các Đệ Tử như những sợi dây của cây đàn Vina, gọi những tiếng vang nơi tâm hồn; nhân loại như phím đàn và bàn tay lướt nhẹ trên đó như hơi thở điều hòa của Đại Hồn Thế Giới. Sợi dây nào không thể đáp lại ngón tay của Sư Phụ, không thể rung động điều hòa với tất cả mấy dây khác sẽ đứt, và sẽ bị tháo bỏ. Tinh thần chung hợp của các Đệ Tử Thịnh Văn cũng thế, tất cả phải hòa hợp với tinh thần của Sư Phụ, hợp làm một với Hồn Siêu Việt hay là phải tan nát.

227. Đó là tình cảnh của những “Đạo Hữu trong Bóng Tối”, những kẻ giết chết Linh Hồn họ, phái Dad Dugpa (11) mà người ta rất sợ.

(11) Những Bhons hay là Dugpas, phái “Mũ Đỏ” được xem như là rất giỏi về tà thuật. Họ ở miền Tây Tây Tạng, Tiểu Tây Tạng và Bhutan. Tất cả đều là Tantrikas. Một điều rất buồn cười là những nhà Đông Phương Học đã có viếng miền biên giới xứ Tây Tạng như Schlagintweit và nhiều kẻ khác đã lâm lộn những nghi lễ và những cách hành đạo góm ghiếc của những kẻ nói trên đây với tín ngưỡng của các vị Lạt Ma Đông

Phuong, các vị “Mũ Vàng” và các Narjols của các Ngài. Câu kể đây là một thí dụ.

228. Con đã hòa hợp con người con với sự đau khổ lớn lao của Nhân Loại chưa ? Hỡi cử tử muốn vào trong ánh sáng ?

229. Con đã làm rồi ? Con có thể vào. Tuy nhiên, trước khi đặt chân trên con đường đau khổ, con cũng nên biết trước những hang lỗ bùn lầy của con đường đó.

230. Có được chìa khóa bố thí, bác ái và thương yêu, dịu dàng, con có thể yên lòng trước cửa Dâna, cửa dựng lên ở đầu Đường Đạo.

231. Hỡi kẻ hành hương hữu phúc ! Con hãy xem cái cửa trước mặt con cao, rộng và dường như rất dễ đi vào. Con đường đi ngang qua đó thẳng ngay, tron láng và xanh tươi giống như một khoảng rừng thưa có ánh nắng, giữa cảnh rừng già tối mịt, một điểm của Cực Lạc Quốc của Phật A Di Đà phản chiếu xuống trần gian. Nơi đây, những chim quỳên của hy vọng, những chim cánh lông rục rĩ, hót trong những chòm cây xanh tươi, tán tụng sự thành công của những kẻ hành hương dũng cảm. Chúng tưng bừng ca hát năm hạnh của các vị Bồ Tát, năm ngọn suối Bồ Đề mạnh mẽ và bảy bước trong đường trí thức.

232. Con hãy đi qua ! Con đã có chìa khóa, con được an toàn.

233. Và từ đó đến cửa thứ nhì, con đường cũng còn xanh tươi nhưng dốc đứng và khúc khuỷu; thực thế, con đường đến ngọn núi đầy đá nhấp nhô, những đám mây xám ngắt lơ lửng trên triền gồ ghề và xa nữa, tất cả đều đen tối. Hành giả càng đi tới, tiếng hát hy vọng càng nghe yếu dần trong tâm. Bấy giờ sự hoài nghi làm cho hành giả rùng mình, chân bước không được vững vàng như trước nữa.

234. Hãy đề phòng, hỡi Cử Tử ! Hãy đề phòng sự lo sợ nó giống như con dơi bay lúc nửa đêm, giương đôi cánh đen, im lìm chắn ngang giữa ánh trắng trong của Tâm Hồn con và mục tiêu vĩ đại lơ mờ ở tận đằng xa.

235. Hỡi Đệ Tử, sự lo sợ làm tiêu tan ý chí và tê liệt mọi hành động. Nếu thiếu hạnh Shila con sẽ vấp vào những đá sỏi Nhân Quả làm trầy trụa chân con trên con đường gồ ghề, khổ nhọc.

236. Hãy bước cho vững, hỡi cử tử. Hãy tắm Hồn con trong nước hương Kshanti²⁰ , bởi lúc này đây con đã đến gần cửa có tên này, Cửa Dũng Cảm và Nhẫn Nại.

²⁰ *Kiên nhẫn*

237. Con chó phút nào nhắm mắt, phải trông chừng cây gậy phép Dorje (12) những mũi tên của Ma Vương luôn luôn bắn ngã kẻ không đạt được Virâga (13).

(12) Dorje, tiếng Sanskrit là Vajra là một biểu pháp trong tay của một số kiết thân (Dragshed của Tây Tạng, các Devas che chở loài người) có pháp khu trừ những ảnh hưởng xấu cùng tà khí cũng như chất Ozone trong hóa học. Đó cũng là một Mudra, một tư thế (cách ngồi) để tham thiền. Tóm lại, tư thế hay phù phép đó là một biểu tượng của pháp lực đối với ảnh hưởng xấu vô hình. Tuy nhiên các Bhons hay Dugpas chiếm đoạt biểu tượng đó đem dùng về tà thuật. Đối với phái "Mũ Vàng" hay là Gelugpas thì đó là một biểu tượng thần oai cũng như Thánh Giá đối với tín đồ Cơ Đốc và không có gì là "mê tín" cả. Đối với phái Dugpas thì cũng như hai hình tam giác ngược là dấu hiệu của tà thuật.

(13) Virâga là tính lãnh đạm tuyệt đối, đối với Vũ Trụ khách quan, đối với sự vui và sự khổ. Tiếng "chán" không đúng nghĩa nhưng cũng gần gần như thế.

238. Chó run rẩy, dưới làn hơi của sự lo sợ chìa khóa Kshanti sẽ sét. Chìa khóa sét sẽ mở không được cửa.

239. Con càng đi tới, chân con sẽ càng gặp hang lỗ bùn lầy. Con đường của con đi, được soi sáng bởi một ngọn lửa, ngọn lửa dững cảm đang cháy trong tim. Người càng gan dạ sẽ càng tiến, người

càng sợ thì ánh sáng càng mờ và chỉ có ánh sáng mới có thể dẫn dắt con người đi tới. Cũng giống như tia sáng buổi chiều còn sót lại trên đỉnh núi cao, một khi tia sáng bật đi là đêm tối tới nơi, cũng thế, khi ánh sáng trong tâm tắt mất thì một bóng tối đen dày đặc và đáng sợ sẽ từ trong Chính tâm con dội trên đường đi, và sự hãi hùng sẽ gắn dính chân con tại chỗ.

240. Hỡi Đệ Tử, hãy đề phòng cái bóng đó. Không một tia sáng nào của Tinh Thần có thể phá tan cảnh hắc ám của Linh Hồn ở phía dưới trừ phi mọi tư tưởng ích kỷ đều dang ra hết và kẻ hành hương nói: “Tôi đã từ bỏ cái hình bóng đang qua này, tôi đã phá tan nguyên nhân, nhân đã tiêu thì quả là những bóng tối rọi ra đó cũng không còn nữa.” Bởi vì đây đã đến trận đại chiến cuối cùng, trận tranh phong quyết liệt giữa cái Ta Cao Siêu và cái Ta Thấp Kém. Con hãy xem, chính bãi chiến trường bây giờ đã bị trận đại chiến thôn tính và không còn nữa.

241. Nhưng một khi vượt qua được cửa Kshanti, bước thứ ba của con đã xong. Xác thân của con là tôi tớ của con. Bây giờ con hãy chuẩn bị để qua cửa thứ tư, cửa có nhiều cám dỗ làm say mê con người bên trong.

242. Trước khi con có thể đến gần mục đích này, trước khi đưa tay mở khóa cửa thứ tư, con phải

chế ngự mọi sự biến đổi của cái trí ở nơi con và tiêu diệt đạo quân tư tưởng cảm giác vừa tinh tế vừa giáo quyết, âm thầm len lỏi vào trong Thánh Đường sáng rõ của Tâm Hồn.

243. Nếu con muốn khỏi bị hại thì con phải biết un đúc bầy con của con tạo ra sao cho được hiền lương, những đứa con đẻ của tư tưởng con, tuy không thấy được, không rõ được nhưng cả đoàn cả lũ quây quần xung quanh nhân loại, chúng là những con cái, những kẻ thừa kế của con người. Con phải nghiên cứu cho rành sự trống rỗng của cái dục như đầy đủ, sự đầy đủ của cái dục như trống rỗng. Hỡi Kẻ hữu chí can đảm ! Hãy xem kỹ tận đáy lòng con sâu thẳm và trả lời. Con có biết những uy lực của Chơn Ngã chẳng. Hỡi kẻ đã nhận thấy những bóng tối bên ngoài ?

244. Nếu con chưa biết, thật nguy cho con.

245. Bởi vì trên đàng thứ tư, một ngọn gió thoáng qua cửa nhiệt vọng hoặc tham dục cũng sẽ lay chuyển ánh sáng yên tĩnh trên vách trắng tinh và trong sạch của Tâm Hồn. Một gợn sóng li ti của mong mỏi hay luyến tiếc đối với mồi danh, bả lợi của Ma Vương chạy dài theo Antashkarana, con đường nối liền Tinh Thần của con với bản ngã của con, đại lộ của cảm giác, cái kích thích Ahankara (14), một tư tưởng đầu lẹ như chớp cũng sẽ làm

cho con mất hết ba phần thưởng trước mà con đã được.

(14) Ahankara, cái Tôi hay là sự cảm biết về cái Tôi, cái bản ngã.

246. Bởi vì con hãy biết Đấng Vĩnh Cửu không biết sự thay đổi là gì ?

247. “Con hãy bỏ hết tám thứ khổ nản, bằng không con không thể nào đạt đến Minh Triết, cũng không thể nào đạt đến giải thoát”, đó là lời của Đức Thế Tôn, Đức Như Lai trọn lành, “Đấng đã theo dấu các bậc đi trước Ngài (15).

(15) “Kẻ đi theo dấu những người trước của mình” hay là “những người đã đến trước mình” đó là nghĩa đúng của chữ Tathâgata (Như Lai).

248. Hạnh Virâga rất nghiêm khắc và đúng mực. Nếu con muốn được bảo đảm trên con đường này con phải giữ thần trí, và tri giác của con trong sạch hơn trước, sạch hết mọi hành động bại hoại.

249. Con phải thấm nhuần Alaya tinh khiết hợp làm một với Tư Tượng Linh Hồn vạn vật, nếu con hợp một với nó, thì không gì thắng được con, phân ly với nó, con sẽ là sân chơi của Samvriti (16) là nguồn gốc của tất cả ảo mộng của đời.

(16) *Samvriti* là một trong hai Chân lý thuyết minh tính chất ảo mộng và trống rỗng của mọi vật. Đó là một chân lý tương đối. Phái Mahâyâna giảng dạy sự khác nhau giữa hai chân lý đó. *Paramârthasatya* và *Samvritisatya* (*Satya* nghĩa là Chân lý). Đó là chỗ tranh chấp giữa phái *Madhyâmikas* và phái *Yogacharyas*, phái thứ nhất phủ nhận và phái thứ nhì xác nhận rằng mọi vật có ra là do một nguyên nhân đã có trước nữa tạo ra hay là do sự tiếp nối. Phái *Madhyâmikas* là phái vô thân cho rằng tất cả đều là *Parikalpita* một ảo mộng và lâm lạc trong tâm giới cũng như ngoại giới. Phái *Yogâcharya* là phái duy tâm. Thế thì *Samvriti* về mặt chân lý tương đối là nguồn gốc của mọi ảo mộng.

250. Tất cả đều vô thường nơi con người ngoại trừ cái tinh hoa trong sạch, sáng ngời của Alaya. Con người là một tia trong suốt của nó, một làn ánh sáng tinh khiết ở bên trong, một hình tướng bằng tro bụi ở bên ngoài. Tia sáng đó là người hướng đạo cuộc đời của con và là Chân Ngã của con, là Đấng Im Lặng Suy Nghĩ và Canh Chừng, nạn nhân của cái ta ty tiện của con. Linh Hồn con chỉ có thể bị thân hình vô minh của con làm tổn hại thôi, con hãy điều khiển và chế ngự cả hai, như thế con sẽ có thể vượt qua một cách bình an cái cửa “Thăng Bằng” sắp tới.

251. Hãy can đảm lên hỡi kẻ hành hương có đại chí muốn đến bờ bên kia, con chớ nghe những lời quyến rũ đường mật của lũ bộ hạ của Ma Vương

thủ thủ bên tai con, hãy tránh xa những tay cầm dũa đó và các hung thần, ác quỷ ganh tị Lhamayin (17) trong không gian vô tận.

(17) Lhamayin là bọn ngũ hành và yêu quái thù nghịch với loài người.

252. Hãy vững vàng, bây giờ con gần đến cửa giữa, cửa Đau Khổ có muôn ngàn chạm bầy.

253. Hãy làm chủ tư tưởng của con, hồi kẻ phần đấu để tranh sự toàn thiện, nếu con muốn vượt qua cửa đó.

254. Hãy làm chủ hồn con, hồi kẻ đi tìm những chân lý bất tử, nếu con muốn đạt đến mục đích.

255. Hãy tập trung con mắt của Linh Hồn vào Ánh Sáng Duy Nhất Tinh Khiết, cái Ánh Sáng không thứ gì kích thích được và đem chìa khóa vàng của con ra mà dùng.

256. Công việc khó khăn đã xong, việc nhọc nhằn của con đã gần mãn, cái hố rộng há miệng để nuốt con đã vượt qua khỏi.

257. Bây giờ con đã qua khỏi hào thành bao quanh cửa Nhân dục, bây giờ con đã thắng được Ma Vương và lũ bộ hạ hung hăng của nó.

258. Con đã rửa tâm con sạch hết vết nhơ, và con đã nặn ra hết máu dục vọng ô trược. Nhưng

mà hồi kẻ chiến thắng vinh diệu, công việc con chưa hết đâu. Hãy xây cao vách tường chung quanh Thánh Đảo²¹, cái đập giữ cho trí con khỏi tính kiêu căng và tự mãn vì cho rằng chiến công đã đạt được rồi.

259. Một ý niệm kiêu căng sẽ làm hư hại công trình. Bởi thế hãy xây đập cho thật chắc vì e sợ những lượn sóng dữ dội từ biển cả của Ma Vương bao trùm vũ trụ, ào đến đập vào bờ của con, cuốn mất luôn kẻ hành hương và thánh đảo dù khi đã thắng trận rồi cũng vậy

260. Đảo của con là con nai, tư tưởng của con là bày chó, cứ rượt nó mãi trong khi nó chạy đến giòng sông của Sự Sống. Rất nguy cho nai nếu bày chó quỉ theo kịp nó, trước khi nó đến nơi Trú ẩn gọi là “con đường hiểu biết trong sạch” Dhyân Mârga.

261. Trước khi con có thể ở trong Dhyân Mârga (18) và gọi nó là con đường của con, Linh Hồn con phải trở nên như trái xoài chín, phải ngọt dịu như thịt trái xoài vàng tươi đẹp đối với những đau khổ của kẻ khác, cũng phải cứng rắn như hột xoài đối với những nỗi sợ hãi, buồn khổ của chính con, hồi kẻ chinh phục sự Sướng và sự Khổ.

²¹ Chơn Nhơn, Thượng trí

(18) *Dhyân Mârga* là “con đường Dhyân” hay là con đường tri thức thuần túy của *Paramârtha* hay là (theo Sanskrit) *Svasamvedanà* “sự tự suy xét hay tự phân tích”.

262. Phải luyện cho Linh Hồn con cứng như đá để chống lại những cạm bẫy của bản ngã, phải làm cho nó xứng danh là “Linh Hồn Kim Cương”(19).

(19) Xem phần 2, giải thích số (4), trang 36. “Linh Hồn Kim Cương” hay là *Vajradhâra* chủ trì trên *Dhyani Buddhas*.

263. Bởi vì, giống như viên kim cương chôn sâu trong lòng đất không thể nào phản chiếu được ánh sáng trần gian, Linh Hồn và trí con khi đã chìm sâu trong *Dhyân Mârga* cũng không thể phản chiếu được một ảo cảnh nào của Ma Vương.

264. Khi con đạt đến trạng thái đó, thì những Cửa mà con phải vượt qua sẽ mở rộng cho con qua, và những uy quyền to tát của Thiên Nhiên cũng không ngăn cản con được. Con sẽ làm chủ con Đường bảy ngã, nhưng trước khi đạt đến địa vị đó thì không thể được, hồi cử tử của những cuộc thi khó khăn không thể nói.

265. Từ đây đến đó, một công việc quá sức khó khăn đang chờ con, con phải cảm biết chính con là Tất Cả Tư Tưởng, và đồng thời phải đuổi tất cả tư tưởng ra ngoài Linh Hồn con.

266. Con phải đạt đến trạng thái cố định trí con vào một nơi mà không một luồng gió mạnh nào có thể đưa một tư tưởng phàm tục vào tới được. Dọn sạch như thế, thánh đường phải thật trống rỗng không còn một hành vi, một âm thanh, một ánh sáng trần gian nào, cũng như con bướm bướm gặp phải gió lạnh té chết nơi ngưỡng cửa, tất cả tư tưởng phàm tục phải té chết trước thánh đường.

267. Kinh Bhagavad Gita có nói:

“Trước khi ngọn lửa vàng có thể cháy sáng rực rỡ, cái đèn phải để trong một chỗ kín đáo không có gió thổi đến, đèn đặt nơi có gió thổi qua thì tia lửa rung rinh phản chiếu những hình sai lạc, đen tối, biến đổi mãi trên Thánh Đường trong trắng của Linh Hồn”.

268. Và khi đó, hỡi kẻ theo đuổi chân lý, hồn con sẽ trở nên điên cuồng như con voi hoang kinh làm dữ trong rừng. Lâm tượng cây rừng là kẻ nghịch nó, phải bỏ mạng trong khi đâm đầu chém giết những bóng cây lung lay dọi lên vách đá phơi mình dưới bóng mặt trời.

269. Hãy đề phòng, e rằng vì quá lo lắng cho Chơn Ngã mà Linh Hồn con phải hụt chân trên mảnh đất tri thức của Deva.

270. Hãy đề phòng, e rằng lãng quên Chơn Ngã hồn con sẽ uy quyền kiểm soát cái trí rung rẩy và

như thế mất hưởng cái quả chính đáng của công lao chiến thắng.

271. Hãy đề phòng sự thay đổi, bởi sự thay đổi là đại thù của con đó. Sự thay đổi sẽ tấn công con, sẽ đẩy con ra khỏi con Đường mà con đang sấn bước, sẽ hất con xuống đầm lầy của tính hoài nghi

272. Con hãy chuẩn bị và hãy nghe lời cảnh cáo, nếu con rán sức mà con thất bại thì hơi chiến sĩ dũng cảm con chớ ngã lòng, hãy tiếp tục chiến đấu mãi và trở lại xáp trận lần nữa và lần nữa.

273. Vị chiến sĩ can đảm đầu khi đã bị thương máu chảy cũng cứ tấn công kẻ nghịch, sẽ đuổi nó ra khỏi đồn lũy của mình và thắng nó trước khi tắt hơi bỏ mạng. Hãy làm như vậy hơi các đệ tử thất trận và đau khổ, hãy hành động giống như chiến sĩ đó, và hãy đuổi ra khỏi thành lũy của Linh Hồn mình tất cả quân thù – tham-vọng, sân hận, thù oán và cho đến một bóng phốt qua của dục vọng – đầu khi các đệ tử đã thất trận.

274. Con hãy nhớ, hơi kẻ đang chiến đấu để giải thoát nhân loại (20), mỗi sự thất bại là một sự thành công và với thời gian mỗi sự gắng sức thành thật sẽ được thưởng công. Những mầm thiêng này tọc, đâm chồi một cách vô hình trong hồn người đệ tử, những chồi đó mỗi lần trải qua cuộc thử thách là mỗi lần được cứng cáp thêm, chúng cong mình như cây sậy nhưng không gãy mà cũng

không chết. Nhưng khi ngày giờ đến, chúng sẽ trở bông (21).

(20) Đây ám chỉ sự tin tưởng rằng mỗi khi có thêm được một vị Phật hoặc Thánh mới chứng quả tức là thêm được một chiến sĩ trong quân đội của những kẻ làm việc để giải thoát hay là cứu rỗi nhân loại. Trong những xứ Phật Giáo Phương Bắc có giảng dạy giáo lý về Nirmanakayas – Những vị Bồ Tát khước từ chân phúc Niết Bàn mà các Ngài có quyền hưởng hoặc không khoác áo Dharmakâya (vì hai lỗi đó làm cho các Ngài đoạn tuyệt với nhân thế) để giúp đỡ nhân loại trong chốn vô hình và cuối cùng đưa nhân loại đến Đại Niết Bàn. Mỗi vị Bồ Tát mới hoặc mỗi vị được điểm đạo cao cấp mới được gọi là “kẻ giải thoát nhân loại”.

(21) Ám chỉ những sự ham muốn và tội lỗi của con người bị diệt trừ trong những cuộc thử lòng của vị Đệ Tử và hóa thành miếng đất tốt cho mầm giống của những đức tính siêu việt nảy nở, những đức hạnh bẩm sinh, những tài năng và thiên tư là những thứ đã hoạch đắc trong một kiếp trước. Thiên tài luôn luôn là một tài năng của một kiếp trước đem lại.

275. Nhưng nếu con đã chuẩn bị thì bây giờ con chớ lo ngại gì cả.

276. Từ đây con đường của con đã quang đãng đi ngay đến cửa Virya, cửa thứ năm trong bảy cửa. Bây giờ con đang ở trên con đường dẫn đến bến Dhyâna, cửa thứ sáu, Cửa Bồ Đề.

277. Cửa Dhyâna giống như một cái bình bằng bạch ngọc trắng tinh và trong suốt, trong đó một ngọn lửa vàng cháy mạnh mẽ, ngọn lửa Bát Nhã rọi ánh Atman.

278. Con là cái bình đó.

279. Con đã đoạn tuyệt với những đối tượng của giác quan, đã trải qua “con Đường Nghe” và “con Đường Thấy” và con đứng vững trong ánh sáng Tri Thức. Bây giờ con đã đạt đến trạng thái Titiksha (22).

(22) Titiksha là trạng thái thứ năm trong Raja Yoga – một trạng thái lãnh đạm tuyệt đối, phục tùng nếu cần, đối với cái mà người ta gọi là “vui và khổ cho tất cả” nhưng cũng không lấy sự phục tùng đó làm vui hoặc buồn, nói tóm lại là một trạng thái mà người ta trở nên vô tình và vô cảm đối với vui cũng như đối với khổ về cả ba mặt xác, trí và tâm.

280. Hỡi Narjol, con đã được bình an.

281. Con hãy biết, hỡi kẻ chinh phục tội lỗi, một khi người Sowánee (23) đã đi qua con đường thứ bảy, vạn vật run sợ một cách vui sướng và phục tùng. Ngôi sao bạc lấp lánh thông báo tin lành cho những đóa hoa nở ban đêm, suối chảy thông báo cho đá sỏi, lượng sóng âm u gầm thét thông báo cho những cụm đá to đầy những đá ngầm bao bọc, ngọn gió nồng nặc mùi hương thông báo cho

những thung lũng nhỏ và những cây thông oai vệ rì rào bí mật: “một Đức Thầy đã tiến lên, một Đức Thầy của Ngày Nay” (24).

(23) *Sowánee* là người thực hành *Sowan*, con đường thứ nhất trong *Dhyàn*, một *Srôtâpatti*.

(24) Chữ “Ngày” đây có nghĩa là trọn một *Manvantara*, một kỳ gian lâu vô số.

282. Bây giờ người đứng như một cây trụ trắng ở Phương Tây, trên mặt trụ ánh thái dương buổi bình minh của tư tưởng trường tồn rọi lên những luồng sáng rực rỡ đầu tiên. Trí của người giống như mặt biển yên tĩnh không bờ bến mênh mông trong không gian vô tận. Người nắm quyền sinh, tử trong bàn tay mạnh mẽ của người.

283. Thật thế, người mạnh mẽ lắm, quyền lực sống động đã được biểu lộ nơi người, quyền lực ấy chính là người, có thể xây đài mộng huyền cao vượt lên hơn cõi Chư Thiên, cõi Đại Phạm Thiên và Đế Thích. Bây giờ người sẽ chắc chắn chiếm được phần thưởng to tát.

284. Phải chăng người sẽ không dùng những phần thưởng đó cho sự yên nghỉ và hạnh phúc của người, cho sự sung sướng và vinh diệu của người, hỏi người chiến thắng đại Ảo Mộng ?

285. Không, hỏi cử tử muốn tìm tri thức bí ẩn của Thiên Nhiên ! Nếu con người muốn nổi gót

Như Lai thì những phần thưởng và quyền lực đó không phải để cho mình hưởng.

286. Con muốn đắp đập để ngăn dòng nước dưới núi Sumeru (25) lại chẳng ? Con sẽ xoay chiều đổi hướng dòng nước chảy về con chẳng ? Hay là con sẽ cho dòng nước chảy trở về nguồn của nó thuở ban đầu ?

(25) Núi Meru, núi thiêng của Chư Thiên.

287. Nếu con muốn cho con sông tri thức đã chiêm được một cách khó nhọc đó, con sông minh triết có nguồn nơi thượng giới còn là một giòng nước mát ngọt lưu thông thì chớ để cho nó thành ra ao tù nước đọng.

288. Con nên biết nếu con muốn cộng tác với Phật A Di Đà vô lượng thọ thì con phải rót ánh sáng đã thu thập được giống như hai vị Bồ Tát (26) cho khắp cả ba cõi (27).

(26) Trong khoa tượng trưng của Phật giáo phương Bắc nơi Cực Lạc Quốc hay là “không gian vô tận” có hai vị Bồ Tát Quan Thế Âm và Đại Thế Chí, đời đời soi sáng khắp tam giới, dùng ánh sáng tri thức đó để khai hóa các nhà Yogi, để cho các vị này cứu độ lại người đời. Ngôi vị cao cả của hai Ngài trong Quốc Độ A Di Đà là do nơi công đức phổ độ mà hai Ngài đã tạo khi còn làm nhà Yogi ở trần thế.

(27) *Tam Giới là cõi Phạm Trần, cõi Trung Giới và Thượng Giới.*

289. Con nên biết rằng giòng tri thức phi phạm và Thiên triết mà con đã chiếm được phải tự nơi con chảy vào một lòng sông khác, con chỉ làm con kinh của Alaya thôi.

290. Con hãy biết hơi Narjol của con đường Bí Mật, dòng nước tinh khiết và mát mẽ phải làm cho dịu bớt những lượn sóng đấng cay của Biển cả, biển khổ do nước mắt của loài người tạo ra.

291. Hỡi ôi ! Một khi con đã trở nên như một ngôi sao ở tận trời xanh, thì ngọn đèn trời đó phải chiếu sáng cho tất cả trừ ra cho mình con : ban ánh sáng cho tất cả mà đừng lấy của một ai.

292. Hỡi ôi ! Một khi con đã trở nên như tuyết sạch giá trong nơi các thung lũng của núi non, rờ thì lạnh lẽo, vô tình nhưng ấm áp và che chở cho hột giống yên giấc trong lòng của nó, chính bây giờ tuyết phải lãnh lấy nước đông cắt thịt, gió bắc thấu xương để che chở cho đất khỏi nanh vuốt bạo tàn, đất đó có chứa mùa màng đầy hứa hẹn, mùa màng đó sẽ nuôi kẻ đói.

293. Tự buộc mình sống qua những Kalpas²² sắp tới, mà không được người biết ơn và nhận thấy,

²² *Những chu kỳ*

đứng trơ như một hòn đá giữa vô số hòn đá khác, hợp thành “Bức Tường Bảo Vệ” (28) đó là tương lai của con nếu con qua khỏi cửa thứ bảy. Tường đó tạo dựng do những bàn tay của rất nhiều Đức Thầy Từ Bi, xây đắp bởi những thống khổ, củng cố bởi xương máu của mấy Ngài, bức tường bao bọc nhân loại từ thuở con người thoát kiếp thú và che chở cho con người khỏi bị khốn khổ nhiều hơn nữa, và khỏi những đau đớn thống thiết hơn nữa.

(28) “Bức tường bảo vệ” tiên thánh dạy rằng những gắng công chông chất của các bậc Thánh, Tiên từ đời này sang đời khác nhất là của những vị Nirmânakayas tạo ra một bức tường bảo vệ chung quanh nhân loại, che chở một cách vô hình cho loài người khỏi những tai nạn góm ghê hơn nữa.

294. Tuy nhiên, con người không thấy sự đó, con người sẽ không nhận thức sự đó và cũng không để ý đến lời sáng suốt, bởi vì con người không biết điều đó.

295. Nhưng con đã nghe và biết tất cả, hồi kẻ có tâm hồn nồng nhiệt và không qui quyết, con phải chọn lấy. Đây con hãy nghe thêm:

296. Trên con đường Sowan, hồi Srôtâpatti²³, con đã được ổn định, thật thế trên Marga²⁴ này kẻ

²³ Sowan và Srôtâpatti đồng nghĩa

hành hương mệt mỏi chỉ gặp cảnh tối tăm, tay bị gai cào chảy máu, chân bị đá nhọn cắt đứt. Ma Vương tấn công với những khí giới quá lợi hại – bên kia con đường một phần thường lớn lao đang chờ sẵn.

297. Bình tĩnh và không đổi chí, kẻ hành hương cố lướt tới, theo giong sông đưa đến Niết Bàn. Người biết rằng chân càng chảy máu bao nhiêu thì người sẽ càng gội sạch bấy nhiêu. Người biết rằng sau bảy kiếp luân hồi ngắn ngủi và mau lẹ, Niết Bàn sẽ ở trong tay người.

298. Đó là con đường Dhyâna, bờ bến của nhà Yogi, mục đích mà vị Srôtâpattis mong mỏi.

299. Nhưng khi con đã đi qua con đường ấy và đến con đường của vị La Hán thì mục đích không phải như thế đâu.

300. Nơi đó Klesha (29) đã hoàn toàn tiêu diệt gốc rễ của Tanha (30) đã nhổ sạch, nhưng Đệ Tử, con hãy nghe thêm một lời nữa, con có thể nào diệt lòng từ bi thiêng liêng không ? Từ bi không phải là một tánh phụ thuộc. Đó là Pháp của các Pháp luật điều hòa vĩnh viễn của Alaya; một tính chất đại đồng không bờ bến, ánh sáng của Công Lý trường tồn, thích đáng với mọi sự, mọi vật, luật bác ái vô thủy vô chung.

(29) *Klesha*, là thích sự khoái lạc ở đời, tốt hay xấu.

(30) *Tanha*, lòng ham sống gây ra sự luân hồi.

301. Con càng hợp làm một với lòng từ bi, con người của con càng tan trong Bản Thể của nó, Linh Hồn con càng hợp nhất với cái Hằng có thì con sẽ càng trở nên Từ Bi Tuyệt Đối (31).

(31) *Không nên hiểu chữ từ bi này theo nghĩa “lòng thương của Thượng Đế” của các nhà theo thuyết hữu thần, ở đây từ bi là một luật triệu tượng và vô ngã, bản chất của nó là sự Điều Hòa tuyệt đối, bị sự bất hòa, đau khổ và tội lỗi làm cho rối rắm.*

302. Đó là con đường Arya, con đường của Chư Phật trọn lành.

303. Tuy nhiên, ý nghĩa của lời lẽ trong kinh thánh như thế nào, khi trong đó bảo con nói ?

304. “Om ! Tôi tin rằng không phải tất cả các vị La Hán đều hưởng quả ngọt của Niết Bàn.”

305. Om ! “Tôi tin rằng không phải tất cả Chư Phật (32) đều nhập Niết Bàn Dharma”.

(32) *Theo ngữ pháp của Phật Giáo Bắc Tông, tất cả các vị Đại La Hán và các bậc Tiên, Thánh đều được gọi là Phật.*

306. Thật thế, trên con đường Arya con không còn là Srôtâpatti nữa, con là một vị Bồ Tát (33), con

đã qua sông. Quả nhiên là con có quyền lãnh áo Dharmakâya; nhưng kẻ lãnh áo Sambogakâya cao hơn vị sống trong Niết Bàn; và vị lãnh áo Nirmanakâya, vị Phật Từ Bi lại còn cao thượng hơn nữa (34).

(33) Theo ngôi vị Thiên đình thì vị Bồ Tát kém hơn vị “Phật Trọn Lành”. Theo cách nói công khai thì người ta hay lẫn lộn hai bậc đó làm một. Tuy nhiên, tri giác thiên phú và chính lý của quần chúng đã có ý tôn kính vị Bồ Tát hơn vị Phật do sự hy sinh của vị Bồ Tát.

(34) Cũng do lòng tôn kính đó mà quần chúng gọi là “Phật Từ Bi” những vị Bồ Tát khi đạt đến quả vị La Hán (nghĩa là đã đi hết con đường thứ tư hay là thứ bảy) không chịu nhập Niết Bàn hay là lãnh áo Dharmakâya và sang bờ bên kia, vì làm như thế thì các Ngài không thể nào giúp đỡ nhân loại được nữa. Các Ngài thích ở trong cảnh vô hình của thế giới và giúp vào sự cứu vớt nhân loại bằng cách cảm hóa con người để dìu dắt con người theo Luật Trời, theo Đường Chánh Lý. Trong Phật Giáo Công Truyền Phương Bắc có lệ tôn sùng những bậc đó như Thánh và đọc kinh cầu nguyện các Ngài cũng như người Hy Lạp và tín đồ Cơ Đốc Giáo đối với các Thánh hộ mạng của họ vậy. Nhưng những Giáo Lý Bí Truyền không khuyến khích hành động như thế. Có một sự khác biệt nhau rất xa giữa hai giáo huấn. Cư Sĩ theo Giáo Lý Công Truyền biết rất ít về nghĩa thật của chữ Nirmânakâya vì đó mới có sự lầm lộn và những sự cắt nghĩa thiếu sót của các

nhà Đông Phương Học, thí dụ Schlagintweit tưởng rằng Nirmānakāya có nghĩa là nhục thân của các Đức Phật khi mấy Ngài đầu thai xuống thế (xem quyển *Buddhism in Tibet*) và do đó sanh ra một kiến thức hoàn toàn sai lầm về vấn đề đó. Tuy nhiên Giáo Lý Chân Truyền như thế này:

Ba Thân hay là hình thể mà bậc Tiên, Phật có thể chọn lựa gọi là:

1. Nirmānakāya.
2. Sambhogakāya.
3. Dharmakāya.

Cái thứ nhất là hình thể tinh vi mà Người sẽ dùng khi bỏ xác thân, khi Người hiện thân trong cái vía và đồng thời có tri thức đầy đủ của một vị Chơn Tiên. Vị Bồ Tát phát triển cái thể đó nơi Người trong khi Người tiến bước trên đường Đạo. Khi đã đạt mục đích, Người khước từ kết quả và ở lại thế gian làm một vị Chơn Tiên. Và đến khi Người bỏ xác trần thay vì nhập Niết Bàn, Người ở trong cái thân vinh diệu mà Người đã tạo, người đời không nhìn thấy được, để trông nom và che chở cho nhân loại. Sambhogakāya cũng giống như thế nhưng có thêm ba sự hoàn thiện nữa, một trong sự hoàn thiện này là hoàn toàn tiêu ma mọi sự liên hệ với đời.

Dharmakāya là thân của vị Phật nghĩa là không có thân mà chỉ là một Linh Khí: Ý thức nhập trong Ý thức

Vũ Trụ hay là Linh Hồn trống rỗng không còn biểu hiện gì cả. Khi đã nhận lấy Dharmakâya, vị Chơn Tiên hoặc Phật đoạn tuyệt mọi quan hệ cho đến mọi tư tưởng về trần thế. Vì đó muốn có thể giúp đỡ nhân loại, một vị Chơn Tiên được quyền hưởng Niết Bàn, “khuớc từ thân Dharmakâya” theo cách nói huyền bí chỉ giữ tri thức đầy đủ của Sambhogakâya và ở trong thân Nirmanakâya. Trường Bí Truyền dạy rằng: Phật Gautama và nhiều Đệ Tử La Hán của Ngài thuộc về hạng Nirmânakâya này và do sự Đại Hy Sinh cho nhân loại, trên Ngài không còn có ai nữa.

307. Bây giờ con hãy cúi đầu và nghe cho rõ hơi vị Bồ Tát, lòng Từ Bi thốt lên và nói: “Đâu có thể nào hưởng hạnh phúc được khi mà chúng sanh đương chịu đau khổ? Người có đành giải thoát và nghe cả thế giới rên siết sao?”

308. Bây giờ con đã nghe được điều đã nói.

309. Con sẽ tiến đến bước thứ bảy và con vượt qua cửa tri thức cuối cùng, nhưng chỉ là để lãnh lấy sự đau khổ mà thôi, nếu con muốn thành Tathâgata thì con hãy nối bước các đấng đã đi trước con, hãy giữ tấm lòng không ích kỷ cho đến cùng.

310. Con đã giác ngộ, hãy chọn lấy con đường của con.

311. Con hãy nhìn xem, ánh sáng dịu hiền tràn ngập trời Đông. Để tỏ dấu ca ngợi trời, đất cùng hòa hợp với nhau. Và từ bốn Uy Quyền biểu hiện trôi lên một bài ca yêu thương của Lửa sáng, Nước trong, Đất thơm và Gió mạnh.

312. Con hãy nghe ! Từ trong chốn sâu thẳm vô tận của ánh kim quang bao bọc vị Chiến Thắng, tiếng không lời của Vạn Vật trôi lên trăm ngàn điệu để tung hô.

313. Hãy vui mừng lên, hỡi người trong cõi Myalba (35).

(35) Myalba (Ta Bà) là quả đất của chúng ta, gọi một cách rất đúng là một “địa ngục” và theo trường bí giáo thì là cái địa ngục to hơn tất cả các địa ngục. Giáo Lý Bí Truyền không biết địa ngục hay là nơi hình phạt nào khác hơn là những hành tinh hay là địa cầu có loài người ở. Avitchi là một trạng thái chứ không phải một trường sở.

314. Một vị hành hương đã từ bỏ ngân trở về.

315. Một vị La Hán (36) mới sanh.

(36) Nghĩa là một vị Cứu Thế đã sanh ra đời và sẽ dìu dắt loài người đến Niết Bàn cuối cùng khi đã liễu kết cuộc tuần hoàn sinh hóa.

316. Vạn Vật Thái Bình (37).

(37) Đây là một thể thức của các công thức để sau chót tất cả những kinh luận, câu đả hoặc huấn thị ,“Vạn Vật Thái Bình”, “Phước lành cho tất cả sinh vật”.

- HẾT -